

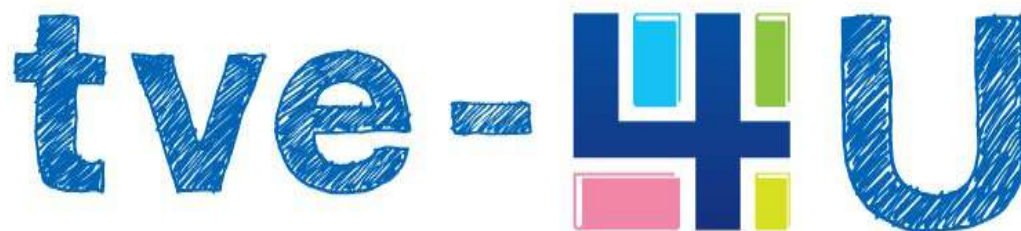
PHAN VĂN HÙM

**NỘI LÒNG  
ĐỒ CHIỀU**

IN LẦN THỨ HAI  
*Sửa-chữa cẩn-thận*



LOẠI SÁCH TÌM HIỀU  
**TÂN VIỆT**



**CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ**

Tên sách : NỖI LÒNG ĐỒ CHIẾU

Tác giả : PHAN VĂN HÙM

Nhà xuất bản : TÂN VIỆT

Năm xuất bản : 1957

-----

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : Lucabarazi

Kiểm tra chính tả : Nguyễn Văn Ninh,  
Trần Ngô Thế Nhân, Đỗ Thị Bích Liên,  
Hoàng Thị Xoan

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 27/09/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000  
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-  
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả PHAN VĂN HÙM và nhà xuất bản TÂN VIỆT đã chia  
sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

# MỤC LỤC

## PHẦN THỨ NHẤT : NỖI LÒNG ĐỒ CHIẾU

## PHẦN THỨ HAI : TRÍCH-LỤC VĂN-PHẨM CỦA NGUYỄN-ĐÌNH CHIẾU

### I. THỂ THẤT-NGÔN

### II. THỂ LỤC-BÁT

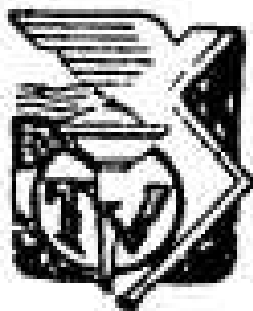
### III. THỂ TỨ-LỤC

### IV. VĂN-TẾ

### V. BẠT

PHAN VĂN HÙM  
**NỖI LÒNG ĐỒ CHIẾU**

IN LẦN THỨ HAI  
*Sửa-chữa cẩn-thận*



**LOẠI SÁCH TÌM HIỂU  
TÂN VIỆT**

## **TỰ THUẬT**

*Xe ngựa lao-xao giữa cõi trần,  
Biết ai thiên-tử, biết ai thần ?  
Nhạc Thiều tiếng dứt khôn trông phụng,  
Sách Lỗ biên rồi khó thấy lân  
Khỏe mắt Hi-Di trời Ngũ-Quý,  
Mỗi lòng Gia-cát đất tam phân.  
Công-danh chi nữa ăn rồi ngủ,  
Mặc lượng cao-dày xử với dân.*

**NGUYỄN-ĐÌNH CHIẾU**

# PHẦN THỨ NHẤT : NỖI LÒNG ĐỒ CHIẾU

Minh-mạng nguyên-niên, nhằm năm canh-thìn, chiếu tây-lịch 1820, Tả-quân Lê văn Duyệt nhậm Gia-Định Tổng-trấn lần thứ hai. Lần này, nơi văn-hàn-ty của Tổng-trấn có viên Thơ-lại thanh-niên, ở kinh-đô mới bổ vào, tên là Nguyễn-đình Huy.

Sinh ở xã Thương-an, Trung-kỳ, ngày hai-mươi-chín tháng chạp năm nhâm-tý (9-2-1793), bấy giờ Nguyễn-đình-Huy hai-mươi-bảy tuổi. Người đã có vợ, có hai đứa con rồi. Hoặç vì đường xa con thơ, hoặç vì Nam-kỳ đất mới, hoặç nữa vì sự hiếu-dưỡng người đẽ vợ con ở lại quê nhà, mà thui-thủi một mình nơi quán khách.

Hai-mươi-bảy tuổi ! « *Chừng xuân tơ liễu còn xanh, nghĩ sao cho thoát khỏi vành ái-ân ?* » Huống-chi quê người bóng chiếu, lại nghiệp phong-lưu, sóng gió lòng xuân đã đành xao-xuyến đẽ.

Nguyễn-đình Huy thú thiếp ở Sài-gòn.

Lửa đôi này sẽ hiến cho việt-văn-giới một tay kỳ-sĩ : ngày bính-thân, mười-ba tháng năm, năm nhâm-ngũ (1-7-1822) Nguyễn-đình-Chiếu ra đời.

Nguyễn-đình Chiếu sinh tại đâu, trong thế-phổ của họ Nguyễn-đình không thấy chép. Duy chép rằng Trương Thị Thiệt (mẹ của Đình Chiếu) sinh năm canh-thân (1800) là người ở thôn Tân-thới, tỉnh Gia-định.

Thôn Tân-thới đích-xác ở nơi nào, thì hiện nay chưa khảo ra đượç. Duy biết Sài-gòn xưa gồm những bốn-mươi thôn, kể từ rạch Thị-nghè vô tới Chợ-lớn. Trong những thôn ấy nhiều thôn lấy tên có chữ « Tân » đứng đầu. Như thôn Tân-khai, là chỗ thành-lũy xưa, ở trong vòng đường Pasteur (Pellerin cũ), đường Nguyễn Du (Taberd cũ), đất thánh tây... chạy xuống tới sông Sài-gòn ; như thôn Tân-an ở Đất-hộ, nay còn đình Tân-an ; như thôn Tân-lộc ở sau trường J. Jacques Rousseau (Chasseloup Laubat cũ) ; như thôn Tân-vĩnh ; bên Khánh-hội ngày nay ; như thôn Tân-thạnh, khỏi Cầu-

kho ; như thôn Tân-kiến, ở chợ Hòa-bình ; như thôn Tân-châu ở nhà thương Chợ-quán.

Xem như thế, thì thôn Tân-thới chắc là một thôn ở tại Sài-gòn. Và lại khi bà Trương thị Thiệt mất thì chôn tại phường Tân-triêm, theo như thế-phổ của họ Nguyễn-đình chép lại. Mà phường Tân-triêm xưa, là ở vùng Cầu-kho bây giờ <sup>1</sup>. Thế thì không chừng thôn Tân-thới cũng ở gần đầu lối đó, nếu không phải là ở tại đó.

Nay có thể tạm nhận Nguyễn-đình Chiêu là người thôn Tân-thới <sup>2</sup> như mẹ của tiên-sinh. Còn thôn Tân-thới thì ở trong vòng Sài-gòn, thuộc huyện Bình-dương, phủ Tân-bình, tỉnh Gia-định.

Nguyễn-đình Chiêu sinh ra, không phải là ở nhà quan to, vì chức Thờ-lại mà cha tiên-sinh dưới triều Minh-mạng chỉ đến chánh-bát phẩm là cùng. Dầu vậy mặc dầu, tiên-sinh cũng là sinh ra trong nhà có tước-vị ở triều-đình, tất cũng là một cậu ấm như ai, thì có thể sung-sướng suốt đời, nếu không có những tai-biến dồn-dập tới.

Đời cậu ấm của Nguyễn-đình Chiêu sung-sướng vừa được mười năm, thì quốc biến xảy ra làm thành gia biến. Năm 1832, Lê văn Duyệt mất (25-8 nhằm 30 tháng bảy năm nhâm-thìn), qua 1833 Lê Văn Khôi dấy loạn giết Bối-chánh Bạch xuân Nguyên và Tổng-đốc Nguyễn văn Quế, rồi chiếm lấy thành Sài-gòn. Quan quân nhà Nguyễn ở Gia-định không đâu « ngụy » đều mất địa-vị cả. Nguyễn-đình Huy phải trở lại thường dân.

Nếu phải tin theo lời một người con của Nguyễn-đình Chiêu là ông Nguyễn-đình Chiêm thì Nguyễn-đình Huy ở kinh-đô sung chức Đốc-bạ, bỏ đi Gia-định thẳng đến Án-sát-sứ lúc Lê văn Khôi khởi loạn. Trốn được về triều người bị tước chức, bấy giờ mới giả dạng cải trang trở vô Sài-gòn, thăm vợ con, rồi rước Nguyễn-đình Chiêu ra Huế, gửi-gắm cho một người bạn làm Thái-phó ở Triều, để theo điều-đãi hầu-hạ mà học-tập văn-chương.

Nếu ta giở lịch-sử triều Nguyễn ra xem, thì thấy Án-sát-sứ ở Gia-định lúc Lê văn Khôi dấy loạn là Nguyễn chương Đạt, chứ không phải là Nguyễn-đình Huy, người xã Hưng-đình, huyện Bồ-điền, phủ Thừa-thiên,



như ông Nguyễn-đình Chiêm vì nghe lầm hoặc vì nhớ lầm đã nói cho ông Lê thọ Xuân chép trong tạp-chí Đồng-Nai số tháng 1 và 2 năm 1933. Và lại, trong quyển *Nguyễn-chi thế-phổ*, chính tay Nguyễn-đình Huy soạn ra, hồi tháng hai năm quý-sửu (tháng 4-1853), và hiện nay còn để tại nhà ông Nguyễn-đình Chiêm ở làng Mỹ-chánh, quận Ba-tri, thì nơi bài tựa thấy ký là : « Nguyên Tả-quân văn-hàn-ty Thơ-lại Dương Minh Phủ ». Dương Minh Phủ tức là tự của Nguyễn-đình Huy.

Năm 1853, ấy là hai-mươi năm sau việc Lê văn Khôi dấy loạn. Nếu đã có làm đến Án-sát-sứ, thì Nguyễn-đình Huy không có lẽ gì không ký là « Nguyên Án-sát-sứ » mà lại chỉ để chức Thơ-lại mà thôi.

Dầu đã làm đến chức chi đi nữa, thời điều chắc, là sau khi thành Sài-gòn đã về tay Lê văn Khôi rồi, Nguyễn-đình Huy cũng phải mất địa-vị, lẩn-lúc trong đám thường dân.

Ta không rõ hồi đó, có tội với Triều-đình, thì người ở mãi lại Sài-gòn với bà vợ thứ, hay là có về quê nhà. Nhưng trong *Nguyễn-chi thế-phổ* thấy chép rằng bà chánh-thất chỉ có hai người con, một người trai là Nguyễn-đình Lân và một người gái là Nguyễn thị Phu. Còn bà vợ thứ thì sinh những bốn người con trai và ba người con gái, mà con trưởng là Nguyễn-đình Chiêu, rồi tới Thị Thục, Thị Nữ, Thị Thành, Đình Tự, Đình Tự và Đình Huân.

Người con trai út này sinh ngày 11-4-1841, nghĩa là tám năm sau khi Lê văn Khôi dấy loạn. Còn như việc đề tựa cho quyển *Nguyễn-chi thế-phổ* năm 1853, như trên kia đã nói, thì là việc Nguyễn-đình Huy có thể làm bất kỳ là ở đâu. Ta không thể căn-cứ vào đó mà quả quyết rằng cho đến năm 1853 người còn ở tại Sài-gòn. Nhưng mà nếu hỏi người ở đâu cho đến ngày qua đời, thời ta không sao trả lời được, vì trong thế-phổ của họ Nguyễn-đình không thấy chép người mất về năm nào và chôn ở nơi nào.

Ta không thể nào theo dấu Nguyễn-đình Huy, nay hãy theo dấu con người là Nguyễn-đình Chiêu. Nhưng mà ở đây cũng chỉ có lời khẩu-truyền của ông Nguyễn-đình Chiêm, là người con của Nguyễn-đình Chiêu, còn sống lại sau hơn hết (ông qua đời ngày 2-8-1935).

Theo lời ông Nguyễn-đình Chiêm thì Nguyễn-đình Chiêu ở Huế những tám năm, theo học ông Thái-phó, bạn của Nguyễn-đình Huy, mãi đến năm hai-mươi tuổi (lối năm 1841-1842) mới trở về Sài-gòn. Bấy giờ thì tám năm « *theo thầy nấu sủ xôi kinh* », học đã nên tài, nhưng khoa thi chưa tới.

Năm quý-mão, Thiệu-trị tam niên (1813), khoa thi hương ở Gia-định, Nguyễn-đình Chiêu đỗ Tú-tài, bấy giờ mới hai-mươi-hai tuổi (tính theo tuổi ta).

Nợ thanh-khâm đến đây kể là đã trả được nhiều rồi. Đường mây chùng như từ đây dễ trở lối. Sự báo-bổ hiển-dương phụ-mẫu thấy gần thành ở trước mặt.

Nhưng mà sự đời dễ sông-sẻ trơn-tru cho đâu. Nguyễn-đình Chiêu mười tuổi đã biết cái nỗi thảm-khốc hãi-hùng của quốc biến. Việc « *biên tru* » là việc ghê hồn, cậu ấm Đình Chiêu trọn đời chắc phải giữ lấy đó một cái ấn-tượng kinh-ngạc. Giờ thời, chính năm Nguyễn-đình Chiêu đỗ Tú-tài lại là một năm hung-niên của nước Việt-nam mới vừa điện-định, vì bắt đầu từ đây, người nước Pháp, thầy và bạn của vua Thế-tổ nhà Nguyễn, trở nên thù-địch của Nguyễn-triều. Thật thế, ngày hai-mươi-bảy tháng giêng năm quý-mão ấy (25 tháng 2-1843) chiếc tiểu-hạm L'Héroïne do Favin l'Evêque cai-quản, xô đại-bác thị oai trước cửa Hàn (Tourane) để đòi tự-do cho năm vị linh-mục bị xử tử và bị cầm tù ở Huế.

Tiếng súng ngoài khơi đã giội oai-khí đến tận đền vua Thiệu-trị, chắc cũng đã làm cho vua nghe rúng động đến ngai vàng, cho nên vài mươi ngày sau (17 tháng 3) năm vị linh-mục kia được thả cho ra về chẵn bầy chiên mới. Súng bắn thị oai thời đạn bay bổng, không nhằm vật, không hại người, nhưng trúng nặng thương lòng sĩ-nhục của nhà vua và của cả sĩ phu trong nước. Nguyễn-đình Chiêu tuy ở Sài-gòn, tuy còn nhỏ, nhưng mà nhiều ít cũng đã nhờ phấn vua vẽ mặt thư-hương, thì chắc cũng phải đau lòng vì mấy viên đạn đầu tiên của nước Pháp xạ xuống đất Việt-nam của triều Nguyễn. Chí kinh-luân của cậu Tú-tài chắc cũng từ đó mà càng hăng.

Song le, thời bấy giờ hết phải là buổi vén gai vệt ngúc của thời Gia-long, mà tay trơn có thể làm nên huân-nghiệp. Thời bấy giờ có chí kinh bang tế thế, chỉ có con đường duy-nhất, là con đường khoa-mục, để bước qua hoạn-lộ, mới đạt được cái chí kia. Cho nên phải học, phải thi, phải đi vào hoạn-lộ. Nguyễn-đình Chiểu không ra khỏi con đường duy-nhất ấy. Tiên-sinh phải nấu sủ xôi kinh mấy năm nữa để đợi khoa thi.

Thảm thay ! Súng rền năm quý-mão hãy còn dư-hưởng nặng-nề, thời tháng tư năm ất-tị (tháng 5-1845), Contre-Amiral Cécile lại lệnh sai Capitaine Fortier dụ Plant đem chiếc tiểu-hạm Alcmene đến trước cửa Hàn xô đại-bác thị oai một lần nữa. Lần này để đòi tự do cho linh-mục Lefèbvre bị xử-tử. Ngày 13-6-1845 linh-mục Lefèbvre được thả ra.

Thôi, đó điều là việc lớn của Triều-đình phải đối-phó. Phận học-trò sau nữa rồi sẽ hay làm sao. Năm hai-mươi-lăm tuổi, cùng đứa em trai mới nên mười là Nguyễn-đình Tự, tiên-sinh cất gánh về kinh để chờ khoa kỷ-dậu (1848). Chưa rõ tiên-sinh ra đi là ngày tháng nào. Nhưng năm ấy, năm đinh-vị, ngày hai-mươi-chín tháng hai (14-4-1847) lại xảy ra quốc biến nữa. Capitaine Lapierre dẫn chiếc trung-hạm La Gloire, còn Rigault de Genouilly dẫn chiếc trung-hạm La Victorieuse đồng đến trước cửa Hàn bắn tan hạm-đội của vua nhà Nguyễn ; nhưng không chiếm-cứ thành-trì nào cả, mà quay chiến-hạm ra đi. Tuy thế vua Thiệu-trị cũng ưu-sầu uất-phẫn lắm. Ngày hai mươi-bảy tháng chín năm ấy (4-11-1847) vua thăng-hà. Tư-đức lên nối ngôi, thì hậu-bán thế-kỷ thứ XIX sẽ đầy-đầy thương-tích thảm-xót cho lịch-sử nhà Nguyễn, mà Nguyễn-đình Chiểu cũng sẽ đau-đớn đòi phen cho nổi nước nhà.

Đó là việc còn chờ sau. Nay đương đợi khoa, thời một tin sét đánh của ghe bầu trong Nam đem tới quán trọ.

Hôm rằm tháng mười-một năm mậu-thân (10-12-1848), mẹ của tiên-sinh, mới bốn-mươi-tám tuổi, đã chết ở Sài-gòn.

Lòng hiếu-tử, dạm quan-hà, trắc dĩ vời trông, mây bạc phao tuôn, khôn cầm huyết lụy.

Người xưa hiếu-sự cư-tang, dẫu cho đương làm quan có trọng-trách cũng phải cáo từ. Nguyễn-đình Chiểu bỏ thi phản bộ. Nhưng mà gậy rút đất ý khôn học phép, lòng hiếu thân thêm kéo nặng đường dài. Khóc... tiên-sinh khóc cho đến « *ôi thôi ! Con mắt đã mang lấy sầu* ». Tiên-sinh sẽ không ra khỏi chốn mịt-mù, mà phải những bốn-mươi-năm trời giam-hãm trong bóng tối cho đến chết.

Đã mù, thêm bệnh, dọc đường tiên-sinh phải xin trọ ở nhà một ông thầy thuốc vốn giòng ngự-y, tên là Trung, để ở đấy chữa bệnh. Thật là bấy giờ tiên-sinh « *lỡ bề báo hiếu, lỡ bề lập thân* ». Ở trọ nơi thầy Trung, tiên-sinh học được nghề làm thuốc, và học rất có tâm-đắc ; cho nên về sau tiên-sinh có tiếng là làm thuốc hay.

Mãi đến năm sau tiên-sinh mới về đến quê nhà, đóng cửa cư-tang. Có lẽ cuối năm 1850 mẫn khó mẹ, thì tiên-sinh mở trường dạy học-trò tại Sài-gòn. Gần xa sĩ-tử nghe danh mến đức tựu về học với tiên-sinh rất đông, cho chí người ở Mỹ-tho, Gò-công cũng tìm đến làm môn đệ. Tiếng « *Đồ Chiểu* » nổi dậy từ đây.

Trong thời-kỳ này tiên-sinh đặt ra thơ *Lục Vân Tiên* diễn luân-lý của nho-giáo để cho học-trò và người nhà ca ngâm. Cái thân-thế của *Vân Tiên* có lắm nơi giống thân thế của Đình Chiểu. Hãy xem câu :

*Hiềm vì ngựa chạy còn xa,  
Thỏ vừa lố bóng, gà đà gáy tan.*

Tiên-sinh tuổi *ngọ*, ăn với lời « *ngựa chạy còn xa* » ; tiên-sinh đỗ năm *mẹo* ăn với lời « *thỏ vừa lố bóng* » ; tiên-sinh hựt khoa thi khoa *ất-dậu*, ăn với lời « *gà đà gáy tan* ». Lại những việc được tin mẹ chết, khóc đến mắt đui, dọc đường mang bệnh của chàng *Vân Tiên*, cũng na-ná như việc tiên-sinh cả. Cho nên có nhiều người đã nghĩ rằng truyện *Lục Vân Tiên* là tiểu-thuyết của đời tác-giả nó. Rồi người ta lại đoán, hoặc hơn nữa cũng có người quả quyết rằng Nguyễn-đình Chiểu trước đã hứa hôn khi mới đỗ Tú-tài, đến sau mắt mù thì nhà gái từ-khước. Chuyện bội-bạc ấy có không, ta không bằng-cứ vào đâu mà biết được. Nhưng mà ở xã-hội Việt-nam buổi xưa, nhất

là ở các nhà giàu-sang, hay có tục cưới-gả sớm, thì biết đâu lúc đó Tú-tài, là đã hai-mươi-hai tuổi, Nguyễn-đình Chiểu lại không khỏi « *dưới chân đã sẵn một giầy tơ-hồng* ». Điều chắc, thì đến khi mù, ngồi dạy học-trò, tiên-sinh chưa vợ.

Đương độ thanh-xuân, xác thịt tiên-sinh biết đâu chẳng gọi-đòi xác-thịt. Điều chắc, thời theo sự tin-tưởng, theo cái luân-lý thịnh-hành thời bấy giờ, tiên-sinh không khỏi ái-ngại về sự nối dòng nối dõi. Đọc thơ *Lục Vân Tiên*, thấy có câu :

*Thương vì đôi lứa chưa thành,  
Vừa hương bát nước ai dành về sau !*

Đó là nghĩ cho chàng họ *Lục*, mà quyết là tiên-sinh cũng có một phần to, mình nghĩ cho mình. Nhưng mà đầu cho cái Tú-tài của tiên-sinh không phải là cái thiên-hạ khinh thường, mà sự tàn-tật của tiên-sinh chắc đã làm cho những Võ Công ứng lên tứ hướng, và buông ra lời :

*Rẽ đâu có rẽ đui mù thế ni ?*

Đọc *Ngư Tiều vấn-đáp*, đoạn « thà đui » mới thấy rõ tiên-sinh đau-đớn về cái tật này lắm.

Tuy-nhiên lòng tốt ở đời cũng chưa chết hẳn. Trong môn-đệ của tiên-sinh có người ở xã Thanh-ba, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Gia-định (nay là làng Mỹ-lộc, quận Cần-giuộc), tên là Lê tăng Quýnh, cảm cảnh thầy tàn-tật cô-đơn, về thưa cha mẹ gả cho tiên-sinh người em thứ năm của mình, là Lê thị Điền, nhỏ hơn tiên-sinh những mười-ba tuổi : bà Lê-thị sinh năm ất-vị (1835).

Không rõ tiên-sinh cưới vợ vào năm nào, duy biết qua ngày 26-7-1855 bà Lê-thị sinh Nguyễn thị Hương, là gái đầu lòng.

Việc gia-đình của tiên-sinh đến đây là tạm yên, những tưởng là yên được lâu dài. Nhưng rồi nạn nước sẽ làm cho mọi gia-đình tan-tác. Hải-quân nước Pháp lần lần vẽ rõ cái ý muốn và cái chiến-lược của mình. Bản không không trước cửa Hàn năm 1843. Rồi lại bản không không trước cửa Hàn năm 1845. Đến lần thứ ba, là năm 1847, thì những khẩu đại-bác đã quay ngay về mục-đích, phá tan-tành hạm-đội Việt-nam, song le rồi không chiếm-

cứ thành-lũy. Đến lần thứ tư, tháng 9-1856, thì thành-lũy cửa Hàn bị công-phá, nhưng chiếm-cứ thì cũng chưa, mà cuộc thị oai của hải-quân Pháp đến đây là thời-kỳ tối hậu. Vua Tự-đức liệu sao thời liệu cho vạc Nguyễn vững-vàng.

Hai năm sau (1-9-1858), lần thứ năm động binh, hải-quân Pháp sẽ khai-thi cuộc xâm-chiếm. Lần này Vice Amiral Rigault de Genomilly lấy hãn cửa Hàn.

Cửa Hàn, cũng như là cái cổng ngõ của kinh-đô Huế. Binh nước Pháp đóng đẫy cho Tự-đức được xem gần, thấy rõ cái lực-lượng của binh Tây-Âu. Thật ra, thì cửa Hàn không phải là nơi đáng chiếm-cứ, cũng như xứ Trung-kỳ núi non chón-chở, đất-đai khô-xấu hẹp-hòi, không phải là nơi đáng chiếm-cứ để làm thực-dân-địa. Nên chỉ sáu tháng sau, chiến-thuyền Pháp lại quay mũi về phía Nam. Ngày 11-2-1859, Rigault de Genonilly đánh lấy cửa Cần-giờ. Một tuần lễ sau, ngày rằm tháng giêng năm kỷ-vị (17-2-1859) thành Sài-gòn cũng bị ông hạ nốt.-Hạ xong thành Sài-gòn, Rigault de Genouilly trở ra cửa Hàn thu-xếp việc binh-nhung. Đến hôm 7 và 8 tháng 5 năm ấy lại phải một lần nữa đánh tan binh nhà Nguyễn ở mấy đồn trước cửa Hàn. Nhưng mà như trên kia đã nói, cửa Hàn không phải là nơi đáng chiếm-cứ, huống chi trận-thế ở Sài-gòn bấy giờ đã vững-vàng rồi ; ngày 23-3-1860 quân Pháp ở cửa Hàn rút đi, bỏ thành không cho vua Tự-đức, để về Sài-gòn củng-cố cái trận tuyến ở đây. Sự xâm-lược xứ Nam-kỳ phì-nhiều bắt đầu triển-tấn.

Rằm tháng giêng năm tân-dậu (24-2-1861) Amiral Charner hạ đồn Cây-mai, qua ngày sau hạ luôn đồn Chí-hòa, rồi cách hai ngày nữa (28-2) hạ nốt đồn Thuận-kiều, Sài-gòn đã hoàn toàn thất thủ.

Kể ra, từ năm tân-dậu trước (1801) vua Gia-long hãm thành Huế, tức đế-vị, đến tân-dậu này (1861) mất thành Sài-gòn, là chẵn sáu mươi năm, « đáo tuế » của cơ-nghiệp nhà Nguyễn. Người mê tín sẽ xem đó là cuộc tuần-hoàn của số vận một triều-đại.

Số-vận có không là điều ngoại vấn-đề. Ta chỉ biết thành Sài-gòn, thủ-phủ của Nam-kỳ mà mất đi, thì xứ Nam-kỳ đã như nằm trong tay của binh nước Pháp – chạy đâu cho khỏi nắng trời. Nhưng mà dân Sài-gòn cũng chạy đi tán-loạn. Hãy đọc bài Nguyễn tiên-sinh cực tả cái cảnh điên-bá thời bấy giờ, nhất là mấy câu :

*Bỏ nhà lũ chó bǎng-xǎng chạy,  
Mất ổ bầy chim dáo-dát bay.  
Bến Nghé của-tiền tan bọt nước,  
Đồng-Nai tranh-ngói nhuộm màu mây.*

Thời không những người, mà cho đến vật cũng phải sống trong cảnh hãi-hùng sáng-sốt. Hoảng-hốt mà chạy đi, người ta nghĩ nào nỗi lưu-ly thảm-khốc. Nhưng mà ở, thời dẫu cho không can-hệ chi đến nhân-thân, cửa-nhà, của-cải, cũng còn có người vì nghĩa mà không thể ngồi nhìn cảnh-tượng « bất tiền ».

Chính cũng vì nghĩa mà Nguyễn-đình Chiểu phải lìa đất Sài-gòn, là nơi đã cắt rốn chôn nhao, chạy về quê vợ ở Cần-giuộc, tại xã Thanh-ba. Nơi đây, tiên-sinh cũng lại lập trường dạy học-trò, cố giữ-gìn nền lễ-giáo luân-thường của Khổng Mạnh. Tiên-sinh đã là người « *tháng ngày bao quản sân Trình lao đao* », thì tất phải tiêm-nhiễm đạo Khổng Mạnh sâu vào tủy-não tinh-thần mà chớ. Bởi thế cho nên sùng nho, tôn quân, là việc đầu trong nhiệm-vụ của tiên-sinh.

Tập DƯƠNG TỬ – HÀ MẬU có lẽ viết ra lúc về Cần-giuộc, là một tập vận-văn vì đạo nho mà công-kích mãnh-liệt đạo Phật và đạo Chúa, nhất là đạo Chúa. Vì đạo Chúa, chính là tự người Pháp đem truyền. Tiên-sinh nghi-ngờ cừu-oán đạo ấy cho đến lời :

*Dân mà mê đạo tây rồi,  
Nước người muốn lấy mấy hồi phòng lo.  
Dầu ai tránh khỏi mê đồ,  
Lại thêm nha-phiến trao cho hút liền.  
Tối ngày ôm những ống đèn,*

*Nào rồi toan việc đánh phiên dẹp loạn.*  
(DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

Ta phải nhận rằng văn-chương trong tập thơ này có lắm nơi thanh-thoát, lắm nơi hùng-hồn, nhưng hiềm vì luận-điều thì rất tây-lệch và lắm chỗ vụng-về lẫn-thần. Nhưng mà phán-đoán như thế, là vì thời-gian đã lui xa tám chín-mười năm trời, bây giờ không sao cảm-giác được cái không-khí trong ấy đã sản-xuất thơ DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU. Có lẽ tập thơ ấy làm thỏa-thích người đồng thời với tác-giả nó, cho nên nó vẫn được hoan-nghênh, truyền-tụng, và dầu cho nó không có cái hân-hạnh được xuất bản, vì lời-lẽ nó xằng-bạo, mà hiện nay vùng Cần-giুক্ত ít ra cũng còn ba bốn sao lại, mà chúng tôi được xem thấy một, giấy bạch đã trở vàng, nét mực đã lu-lờ ở mấy góc-chỗ ngón tay từng mó để lật trưng.<sup>3</sup>

Trong tập DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU còn có một chỗ rất quý-báu để hiểu thái-độ Nguyễn-đình Chiểu đối với Khổng-giáo, ấy là chỗ tả ra nghi-vệ của Khổng-tử trên Huyền-thiên, đi hội châu Ngọc-hoàng Thượng-đế :

*Phút đầu trên chốn Tây-lâu,  
Nỗ ba tiếng sấm nhóm châu các cung.  
Áo-xiêm đai-mão lạnh-lùng,  
Tinh-quân các vị ròng ròng tới nơi.  
Khổng-tử đi trong đám đó :  
Thấy đi có tấm thẻ bài,  
Đề rằng Khổng-tử đại-tài thánh-vương.*

Làm gì mà đến « đại-tài thánh-vương » ? Nguyễn-đình Chiểu cho cái lẽ, là :

*Cho hay muôn nước đều nhờ,  
Đạo ông Khổng-tử thiệt là giáo dân.  
Trong đời biết chữ nhân-luân,  
Biết đường trị loạn muôn phần nhờ ai ?*

Đó chẳng qua là như mấy triệu người khác trong nước, tiên-sinh chịu ảnh-hưởng sâu-xa của đạo học phong-kiến của Khổng Mạnh, là người ở



thời-đại mà bộ-lạc vừa mới biết đình-bộ lại một nơi để chuyên theo nông-nghiệp. Nhưng cái đạo học đó, dầu phải dầu chẳng, cũng là đạo hạp lý cho thời-đại tiên-sinh, và cũng là un-đức nên biết bao nhiêu nhà nho có tiết-tháo đáng kính-trọng. Lại nữa cũng không chừng nhờ cái tiết-tháo kia nên những áng văn có lắm chỗ tâm-thường hoặc sống-sượng như văn của Nguyễn-đình Chiểu mà vẫn được truyền-tụng ca-ngâm trong khắp dân-gian. Người ta đọc văn ấy bởi chuộng người hơn là vì những cái nghệ-thuật tu-từ vắng mặt trong đó.

Không cảm thương lên ngựa được, lực đình-tráng của người mù-lòa biết hoạt-động thế nào buổi nước nhà nghiêng-ngửa ? Lòng phẫn-uất của Nguyễn-đình Chiểu, Tú-tài, không phát-tiết ra nơi văn-chương thì còn phát-tiết ra đâu ? Ta sẽ thấy những câu văn của tiên-sinh trầm-hùng bi-tráng ở các bài điệu bạn, hoặc điệu dân, đã tuẩn tiết, tử chiến.

Mà chiến-họa bấy giờ thì liên-miên cơ hồ bất tuyệt. Nay binh Pháp công-phá đồn này, mai binh Pháp khắc-phục đồn kia, đạn nheo lâm-râm, máu rơi lấm-tấm, bản đồ Lục-tĩnh lem-luốc, vầy-vò.

Sài-gòn đã về tay người Pháp, đường giao-thông giữa hai cõi Nam Trung đã đứt ngang, vua Tự-đức nghĩ nào sự sai binh cứu viện.

Mỹ-tho vào tay Contre Amiral Page ngày 12-4-1861. Biên-hòa vào tay Contre Amiral Bonard ngày 9-9 năm đó. Đến 14-12 thì đồng thời Gò-công, Cần-giuộc, Tân-an bị công-phá tan-tành. Ba tỉnh phía đông đã vào trọn trong tay người Pháp. Nguyễn-đình Chiểu lại một lần nữa phải ra đi.

Bài thi lưu gián của tiên-sinh vô cùng cảm-kích :

*Vì câu danh-nghĩa phải đi ra ;  
Dạy mũi thuyền nam dạ xót-xa.  
Người dễ muốn chi nương đất khách,  
Trời đà khiến vậy mến vua ta.*

Biệt-ly đã đành đau-đớn thế. Nhưng mà vì câu danh-nghĩa, cho nên :

*Một phương tà tránh đường gai-gốc,  
Trăm tuổi cho tròn phận tóc da.*

Tiên-sinh chạy đi Ba-tri, là nơi mà tiên-sinh gọi là « *chân trời góc biển* ». Nơi đó tiếng súng xa tai, mà thương lòng cũng khôn rịt.

Đã mà việc chưa nguôi, lại nhồi thêm mấy hồi binh-lửa nữa, làm cho càng dở-dối vết thương xưa.

Nhà nước Pháp đặt cơ-sở vững vàng ở Sài-gòn rồi, thời lấy cái lẽ dân-tình phiến loạn mãi, mà phải thân trương thế-lực đi ra xa.

Ngày 28-3-1832 Contre Amiral Bonard hạ Vĩnh-long thành như phá trúc. Xứ Nam-kỳ thế không mất kíp thì chầy. Chính-sách ngoại-giao có phương nào cứu vong cho Nguyễn tộc được.

Ngày 5 tháng 2 sứ bộ Phan Thanh Giản tới Sài-gòn để nghị-hòa với Bonard. Kết-quả ba tỉnh phía đông là Biên-hòa, Gia-định, Định-tường, chính-thức thuộc Pháp. Một người thời ấy, là cử-nhân Phan Văn Trị, bạn của Nguyễn-đình Chiểu, có bài thi cảm-khái, trong có câu đau-đớn não-nùng :

*Tan nhà cảm nỗi cơn ly-hận,  
Cắt đứt thương thay cuộc giảng-hòa !*

Cứ xem câu thi sau thì biết lòng sĩ-phu trong nước không lấy việc giảng-hòa làm êm. Tứ phương văn-thân nổi dậy kháng-cự một cách tuyệt vọng, mà kháng-cự hoài bằng những đám giặc chỏm :

*Giặc cỏ om-sòm mưa lại rười,  
Binh sương lác-đác nắng liền râu.*

Nhà nước Pháp phải đánh-đẹp mãi. Ngày 20-8-1864 Trương Định bị Huỳnh công Tấn bắn gãy xương sống, chết tại Kiểng-phước (Gò-công). Cái chết này làm cho Nguyễn-đình Chiểu hết sức đau-thương, vì Trương Định vốn là tri-kỷ của tiên-sinh. Bởi thế cho nên đã có một bài văn-tế não-nùng dài đến ba-mươi-hai câu, tiên-sinh lại còn thêm mười-hai bài liên-hoàn bát-cú rất thống-thiết để khóc Trương Định. <sup>4</sup>

Trương Định làm Quản-cơ, sau khi Sài-gòn thất thủ, ba tỉnh phía đông mất rồi, cũng muốn lui về một góc chiêu-tập quân-sĩ để đợi thời-cơ, thời có đến yêu-cầu Nguyễn-đình Chiểu gia-nhập bộ tham-mưu của mình. Nguyễn-

đình Chiêu cáo-tử vì tàn-tật. Tuy thế mà mỗi khi có việc chưa thông, Trương Định cũng cầu mưu hỏi ý nơi ông đồ. Nguyễn-đình Chiêu có lần khuyên Trương Định nên dâng chiếu vua, lui binh tìm đất hiểm. Nhưng mà :

*Bởi lòng chúng chẳng nghe Thiên-tử chiếu,  
Đón-ngăn mấy dặm mã-tiền.  
Theo bụng dân phải chịu tướng-quân phù,  
Gánh-vác một vai khốn ngoại.*

**Cho nên :** *Dẫu biết dùng binh nhờ đất hiểm,  
Chẳng đành xa bờ-cõi Gò-công*

mà Trương Định chết. Nhà nước Pháp được yên một mũi giặc. Nhưng Trương Định khác mọc lên hoài. Ngày 17-4-1866 binh Pháp lấy đồn Tháp-mười, rồi qua năm sau, trước sau chỉ trong năm ngày, Lagrandière hạ thành Vĩnh-long (20-6-1867), lấy Châu-đốc (22-6), lấy Hà-tiên (24-6). Thế thì trước kia, năm 1862 :

*Chợt thấy cánh buồm lai sứ,  
Cuộc giảng-hòa những ngỡ rằng xong.*

mà nay lại thêm rối-rắm. Phan Thanh Giản tuyệt cốc, chết ngày 4-10-1867 :

*Việc nước tan-tành hệ bởi đâu,  
Dàu dàu mây trắng cõi Ngao-châu.  
Ba Triều công-cán vài hàng số,  
Sáu tỉnh cương-thường một gánh trâu...*

Năm 1867 ấy, G. Jannean xuất-bản thơ LỤC VÂN TIÊN bằng chữ quốc-ngữ, là bản chữ quốc-ngữ trước hơn hết. Nhưng Nguyễn-đình Chiêu có muốn biết đến mà làm gì. Và lại chuyện xuất-bản sách thì ở Sài-gòn, mà tiên-sinh thì ẩn-độn tận xứ Ba-tri, lại ghét đáo để thứ chữ cong-queo của các ông cố-đạo.

Nhưng mà người phương Tây thì nào phải từ đây mới biết đến tác-phẩm lúc thanh niên của tiên-sinh, mà trước nữa, năm 1864, Gabriel Aubaret đã đem dịch ra chữ Pháp đăng ở tạp-chí Journal Asiatique bên Pari. Bây giờ G. Aubaret đương làm Lãnh-sự cho nước Pháp ở Xiêm-la (Thái-lan). Ông

vốn là người rất thạo chữ tàu, và, theo lời Capitaine Lucien de Grammont<sup>5</sup> nguyên chủ-tỉnh Thủ-dầu-một, thì ông nói tiếng Việt-nam rất được thanh-nhã lắm. Sau ông có làm giáo-sư dạy chữ tàu ở trường Hậu-bổ.

Nói về thơ LỤC VÂN TIÊN ông viết : « Độc-giả hãy lượng thứ cho chúng tôi các tội thiên-chấp quyển sách con này, là quyển mà, xin thú-thật bao giờ cũng làm cho chúng tôi chú-ý nhiệt-liệt. Trong quyển này chúng tôi nhận thấy rất rõ-ràng tất cả những cái đặc-tính của một quốc-gia mà trong ấy chúng tôi được sinh-hoạt lâu năm ; chúng tôi nhận thấy rõ-ràng sự ấy cho đến đổi bao giờ chúng tôi cũng coi quyển thơ này như là một xuất-phẩm hiểm hoi của tri-óc con người được có cái đại-thắng-lợi là biểu-diễn đứng-đắn những mối tình-cảm của cả một dân-tộc ».<sup>6</sup>

Đó là lời thiên-chấp chăng ? Đó là lời phâm-bính chính-đính chăng ? Chúng tôi vì chút tình nhà, không lẽ đi chối-từ lời khen-tặng làm vẻ-vang cho tiên nhân như thế. Duy chúng tôi biết rằng Nguyễn-đình Chiểu, cũng như nhiều tác-giả khác, không muốn nhìn-nhận những tác-phẩm lúc thanh-niên của mình, và dầu cho nó có được hoan-ngheh đi mấy nữa, cũng hơi thèn-thẹn khi nghe có người còn nhắc-nhở đến. Thật thế, năm 1885, trong bài tựa cho bản dịch LỤC VÂN TIÊN ra vận-văn tiếng Pháp, Eugène Bajot viết rằng : « Nguyễn-đình Chiểu đối với mọi sự quanh mình đều nhưng không quan tâm đến ; những sách-vở, ngay cho đến sách của tiên-sinh, cũng không bận lòng tiên-sinh nữa, bốn thơ của tiên-sinh dường như không còn có nghĩa-lý chi đối với tiên-sinh ».<sup>7</sup>

Eugène Bajot nói nửa phần sai.

Có, tiên-sinh có quan tâm đến một điều, là điều nước mất. Điều đó không bao giờ tiên-sinh quên đặng, mà mãi đến lúc buông hơi thở cuối cùng tiên-sinh cũng hãy còn ôm bên lòng canh-cánh.

Nhưng mà từ khi Phan Thanh Giản chết rồi, « *sáu tỉnh cương thường một gánh trâu* », địa-vị của nhà nước Pháp ngày càng thêm củng-cố. Mặc dầu còn giặc-cô, mà « *muốn địch với quan binh ví chẳng khác bắt cầu qua biển cả* », theo lời Tôn Thọ Tường. Năm 1874, tháng 3, ngày 15, Triều-đình

Huế phải ký hòa-ước với Amiral Dupré mà chính-thức công-nhận chủ-quyền tuyệt đối của nước Pháp ở Nam-kỳ.

Đất Nam-kỳ, từ năm 1867, mất hẳn về tay nhà nước Pháp rồi, văn-thân trong nước còn vẫy-vùng sao cho được. Bấy giờ Nguyễn-đình Chiểu cũng phải nhẩn-nhục, không chạy đi đâu nữa. Vả lại tuổi cũng hầu già rồi, một cõi Ba-tri ở thiên nhai hải giác âu cũng là xa lánh được việc « tân-triều ». Xa lánh, đó là một cách nói. Kỳ thật, ngay năm 1867, sau khi Phan Thanh Giản chết rồi, ba tỉnh phía tây về nước Pháp, thì tỉnh Bến-tre cũng liền đặt ra bố-quan giao cho một vị Enseigne de Vaiseau là Palasne de Champeaux ngồi cai-trị. De Champeaux vừa đáo nhậm đã phải dẹp loạn, do con-cháu Phan Thanh Giản lãnh đạo gây nên (tháng 11-1867). Năm sau (5-2-1868) thì ngay ở Hương-điểm, cách Ba-tri có hai-chục cây số, cũng lại có văn-thân nổi dậy, song le bị đàn-áp liền. Rồi thì tháng 7 ở Cái-mít, tháng 8 ở Phú-ngải và ở Tân-điền, quanh vùng Ba-tri loạn lạc lung tung. Tháng 5-1869 loạn nổi ở Đồng-xuân, cách Ba-tri chỉ có 16 cây số. Gần hơn nữa cách Ba-tri hai cây số, ở Giồng-gạch một người mà Nguyễn-đình Chiểu thương-tiếc là Phan công Tòng lại tử trận.

Loạn-lạc nhiều-nhương liên-miên, cho đến đổi dân-gian bỏ nhà-cửa, ruộng-đất, chạy đi lánh mình nơi khác hết. Tháng 11-1869 dân làng Quới-điền bỏ chạy, tháng 10 năm 1870 dân làng An-thới cũng bỏ đi ; tổng Bảo-an là tổng Nguyễn-đình Chiểu ở cơ-hồ thành đồng hoang vô chủ.<sup>8</sup>

Đó là không kể những cuộc loạn ở các vùng khác. Nhưng tháng 2 năm 1872 loạn ở Mõ-cày, lan ra tổng Minh-trị, tổng Bảo-đức. Mãi đến năm 1874, trong tỉnh Bến-tre mới yên-tịnh.<sup>9</sup>

Xem thế thì biết Nguyễn-đình Chiểu đào-ẩn ở Ba-tri phải sống trong cái không-khí nặng-nề bức-bội là dường nào. Cái không-khí ác nghiệt-ấy, từ năm 1860, ở Sài-gòn, ở Cần-giuộc, ở đây, ở đâu nó cũng bao-bọc mãi ông đồ mù. Hãy đọc mười bài liên-hoàn bát cú điệu Phan công Tòng tử trận ở Giồng-gạch<sup>10</sup>, thì rõ khi tiên-sinh ở Ba-tri, thời-cuộc vẫn cảm-xúc tiên-sinh dường nào, nên mới phát ra những câu văn như :

*Vườn luống trồng xuân, hoa ủ-dột,  
Ruộng riêng sâu chủ, lúa khô-khan.*

Đối cảnh tang-thương tiêu-diêu như thế, tiên-sinh phát ra văn bi-đát dường kia. Chớ tiên-sinh không hề « *vô bệnh thân ngâm* » như bao nhiêu văn-sĩ, thi-sĩ, nhất là thi-sĩ là kẻ thường ưa tô-điểm sự thật cho hết thể nhận-nhìn ra.

Chẳng những lối văn « *vô bệnh thân ngâm* » tiên-sinh không chuộng mà lối văn gọt-dũa giồi-mài tiên-sinh cũng không làm. Giá mà phí thêm thì giờ, thao-luyện văn-thể, thì tiên-sinh quyết cũng làm nên văn thanh-thoát, như câu phỏng Đường Thi sau này trong tập NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP :

*Đường xa khao khát rượu nồng,  
Hạnh-thôn muốn hỏi mục-đồng vắng tin.*

**Hay là câu :** *Ven gành một nhăm hắt-hiu,  
Tiếng ngư trong núi, bóng tiều ngoài khơi.*  
(DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

Thử đọc những bài văn tế của tiên-sinh, ta sẽ thấy tiên-sinh không phải là không có văn-học và văn-tài. Duy cái văn-tâm, thì thật là không thấy tiên-sinh có dấu gì nuôi-nấng nó.

Mà ba cái văn-tâm, văn-học, văn-tài, nếu vắng đi một, nếu không kết thành ba, thì khó nên áng văn hay bất hủ. Trong buổi nước nhà đa sự, bờ-cõi qua phân, các bậc văn-thân còn lòng nào chơi văn gọt chữ ? Thời cái văn-tâm sao đem được vào lòng.

Nguyễn tiên-sinh sở dĩ làm ra thi-từ, chẳng qua là vì cái thói quen chác lầy ở trường ốc là một, hai nữa là vì ở thời buổi bấy giờ toàn xã-hội không biết có văn nào ngoài biên-ngẫu vận-văn cho nên điệu tử-sĩ tiên-sinh phải có những vần, những đối :

*Đau-đớn bấy ! mẹ già ngồi khóc trẻ,  
Ngọn đèn khuya leo-lét trong lều ;  
Não-nùng thay ! vợ yếu chạy tìm chồng,  
Con bóng xế dật-dờ trước ngõ.*

Giọng văn bi-đát là đường nào ! Ý văn thành-thật là đường nào ! Thế mà văn ấy đã phải khấp vào khuôn-khổ biên-ngẫu. Lại như câu :

*Trời Gia-định ngày chiều ráng bấn,  
Âm-hồn theo con bóng ác dật-dờ ;  
Đất Biên-hòa đêm vắng trăng lơ,  
Oan qui nhóm ngọn đèn trời heo-hắt.  
An-hà quận đương khi bạch-trú,  
Gió cây vụt thổi,  
Cát xoáy bay con trốt dật bên thành ;  
Long-tường giang mỗi lúc huỳnh-hôn.  
Khói nước xông mù,  
Lửa đóng nhang, binh ma chèo dưới vực.*

Thời văn ấy cảm-khái trầm-hùng là đường nào ! Nhưng mà đó là do tình-cảnh đặc biệt mới có lời văn đặc biệt nảy ra trong tứ của Nguyễn tiên-sinh. Không thể, tiên-sinh không từng phục bút-thế, kiếm văn-thế, để cho nổi câu văn. Xem NGƯ TIÊU VẤN ĐÁP, xem DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU nhất là xem tác-phẩm rất dung thường của tiên-sinh, là quyển LỤC VÂN TIÊN, ta sẽ thấy những chỗ bơ-thờ, lặt-lẽo, sồng-sượng, lúng-túng, vụng-về, không có chút gì văn-vẻ cả. Thế mà những tác-phẩm ấy được trường thọ, có bốn như LỤC VÂN TIÊN, được in đi in lại, lại còn được đem vào chương-trình văn chương ở nhà trường, thời là nhờ cái cá-nhân có đức vọng của tác-giả có nhiều, như trên kia đã nói qua rồi.

Đức vọng của Nguyễn tiên-sinh không những riêng người Nam cảm-mến, mà cho đến người Pháp cũng phải kính-yêu.

Cứ như lời ông Nguyễn-đình Chiêm thuật lại thì Michel Ponchon, chủ-tỉnh Bến-tre bấy giờ, vâng lệnh chính-phủ Pháp có đến viếng tiên-sinh để « tưởng lệ văn-sĩ ». Nhưng mà tiên-sinh thác bệnh ngồi trong buồng, không chịu ra chào khách. Túng thế, ông Ponchon phải xin phép vào thăm tận nơi giường bệnh, nhờ ông Lê quang Hiến, sau này Đốc-phủ-sứ Lê quang Hiến thông-ngôn, để yêu-cầu tiên-sinh nhuận-chính cho bốn thơ LỤC VÂN

TIÊN. Bấy giờ tiên-sinh có sai người kêu là biện Đông, chép truyện ấy lại gửi cho ông Ponchon.

Không rõ sự ông Ponchon đến viếng tiên-sinh thuộc về ngày tháng năm nào. Duy xem biểu quan lại thuyên-chuyển thuở ấy, thấy ngày 14-9-1883, ông Michel Ponchon đương ở ngạch thương-chính được bổ đi ngời chủ-tỉnh Bến-tre. Như thế thời chắc là vào khoảng năm 1884, Michel Ponchon hội-đàm với Nguyễn-đình Chiểu.

Trừ lần đến xin nhuận-chính bốn LỤC VÂN TIÊN ra, Michel Ponchon sau còn ba lần nữa đến viếng, cố ý khuyên-dụ Nguyễn tiên-sinh, hỏi thăm đất-cát của tiên-sinh ở Sài-gòn ranh-rấp như thế nào để tìm giao trả lại cho. Tiên-sinh cảm ơn và cười mà khước lời rằng : « *Đất vua còn phải bỏ, thì đất của tôi có sá gì ?* ». Ông Ponchon lại nói đến việc nhà nước Pháp định cấp cho tiên-sinh tiền đường lão, tiên-sinh cũng một mực chối-từ.

Đó là riêng phần chính-phủ. Còn những tư-nhân người Pháp nghe thấy tác-giả của LỤC VÂN TIÊN sống trong cảnh già tàn-tật kham-khổ, thời họ viết báo cổ-động quyên tiền để gửi tặng, an-ủi một bậc thi-nhân được khắp xã-hội tôn-kính.

Tưởng con nhà văn mà được chính-phủ và toàn thể nhân-dân ưu-đãi như thế, thời thật là sự thiên tai nhất thời. Người không có tiết-tháo, ở cái địa-vị của tiên-sinh, ắt đã không cầm được vững dạ. Tiên-sinh thời chỉ muốn cho được sạch mình, cho nên rất cẩn-thận trong sự chọn đường xuất xứ :

*Sự đời thà khuất đôi tròng mắt,  
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.*

Là một câu thi của tiên-sinh, trong tập NGŨ TIÊU VẤN-ĐÁP <sup>11</sup>. Bình-sinh bão-phụ của tiên-sinh là ở đây.

Không còn đủ cơ-năng để phò vua giúp nước, tiên-sinh tiếc mình không làm được lương-tướng, thời nguyện làm lương-y. Trong cái địa-phận này :

*Phương cũ vua tôi gìn trước mắt,  
Mạng nay già trẻ gửi trong tay.*



Thời sự cứu đời há kém chi lương-tướng ? Người đồng thời lấy làm khen tài tiên-sinh lập phương đầu thang. Trong báo MAI ở Sài-gòn, số Tết năm 1937, ông Trần văn Giao, bút tự Vân-Trình, thuật lời ông Đốc-phủ-sứ Thái hữu Võ là người Ba-tri, đã thường tới lui nhà Nguyễn-đình Chiêu, viết rằng : « Mà sự đi khỏi của ông Đồ cũng thường lắm, vì ông làm thuốc rất có danh, thiếu gì thân-chủ người mời kẻ rước ».

Sự làm thuốc hay của tiên-sinh thì là sự tất-nhiên. Đã được học với một người hay thuốc vốn giòng ngự-y, tiên-sinh lại là người cần-thận, chân-thành lắm, thì tất là phải làm thuốc hay mới được. Xem tiên-sinh dặn em, có lời :

*Dược trị đau chớ khá học sơ-sài,  
Phép dạy trẻ chớ nên oai bầu trợn.*

thì biết tiên-sinh là người chân-thành trong nghề thuốc.

Lại trong tập NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP, trước khi dạy thuốc, tiên-sinh có đoạn dạy rằng đạo tế-sinh hoạt-mạng phải chứa âm-đức làm đầu, thì biết tiên-sinh là người tồn tâm tế thế, chớ không phải lấy nghề thuốc làm nghề sinh-nhai. Huống chi nghề sinh-nhai, thì tiên-sinh còn có nghề dạy học.

Nói rằng tiên-sinh lấy nghề dạy học làm nghề sinh-nhai thì e rằng không đúng. Nếu sự thật, dạy học có bề nuôi sự sống, vì học-trò vẫn đem tiền-bạc lúa-gạo đến công thầy, thì cũng còn có chỗ tin rằng tiên-sinh dạy học là đeo theo cái lý-tưởng phù thực nho-đạo :

*Bấy lâu giặc-giã chưa rồi,  
Những lo sĩ-tử bỏ nơi học-trường.  
(DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)*

Sĩ-tử mà bỏ nơi học-trường, thì nho-đạo cũng đến phải khuynh-đảo. Tiên-sinh, dầu hèn cũng thế, cũng là chân Tú-tài, đâu nỡ để cho lu-lờ đạo Khổng. Chớ riêng mình, thì có lẽ tiên-sinh cũng đã nghĩ chu-đáo :

*Hay đâu việc học rỗng rỗng,  
Còn ngoài cung bích luống trông ngõ-ngàng  
(DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)*

Làm thầy đồ, làm thầy thuốc, cứu xác-thịt, cứu tinh-thần, hai phương-diện cùng nhau như lang bối. Làm lương-tướng, làm lương-y, địa-vị tương đương, được một này sánh tày một nọ. Nhưng mà nơi Nguyễn-đình Chiêu, thời sự lựa-chọn đâu được có tự-do, vì chưng mắt đã mù-lòa, không thể cầm thương lên ngựa. Phải chọn lấy nghề y, thay vì làm viên tướng là sự tiên-sinh phải làm, bởi chẳng dặng dưng làm. Lòng tiên-sinh thời chẳng những nguyện cứu dân, mà vẫn còn nguyện tá quốc, mà vẫn còn nguyện phò vương :

*Tấc đất ngọn rau ơn chúa,  
Vun trồng cho nước nhà ta.*

Câu ấy ở trong một bài văn-tế dân mộ nghĩa tử trận, cũng là câu tâm-huyết của tiên-sinh. Nhưng mà, cơn hai nước giao chinh, thời :

*Lòng nghĩa-dân phải với ngô quân,  
Tiếng nghịch-đảng lỗi cùng địch vức.*

Muốn « vun trồng cho nước nhà ta » lại khó nổi thị kỳ thị phi kỳ phi giữa buổi đời hỗn-hào điên-đảo. Song le trót đã chọn đường rồi, tiền-trình chớ hời, sạch lòng thời thôi.

Nguyễn-đình Chiêu câu-nệ cho đến đổi chữ quốc-ngữ mà cũng cấm con-cháu học. Hoài cựu chúa như tiên-sinh khôn xiết nói cho cùng. Một tấm cô-trung tự-nhiên ảnh-hưởng xa đến con-cháu. Đọc bốn tuồng PHONG BA ĐÌNH của người con thứ bảy của tiên-sinh là ông Nguyễn-đình Chiêm, ta chớ lạ Nhạc Phi mắng Trương Bảo không cho phá linh-ngữ cứu mình, mà lại còn mừng vì Trương Bảo chết, thời cha con mình được chết trung. Lại người con thứ năm của tiên-sinh là bà Sương Nguyệt Anh<sup>12</sup> cũng không nguôi lòng hoài cựu chúa. Khi vua Thành-thái dự yến ở Sài-gòn, bà có bài thi cảm-khái, ý rất chua-chát :

*Ngàn thu nay gặp hội minh-lang,  
Thiên-hạ ngày nay chí mở-mang.  
Tấc đất ngọn rau tràn dưới mắt,  
Đai cơm bầu nước chật ven đàng.*

*Vui lòng thánh-đế trên xe ngựa,  
Xót dạ thần-dân chốn lửa than.  
Nước mắt cô cùng trời đất biết,  
Biển dâu một cuộc nghĩ mà thương !*

Nguyễn-dình Chiêu mà được đọc những văn-phẩm của con mình như thế, thời nơi chín tuổi âu cũng ngậm cười. Tiên-sinh một đời vốn ôm chí cả. Thương vì :

*Đã cam chút phận dở-dang,  
Tri quân hai chữ mơ-màng năm canh.  
Đã cam lỗi với thương sanh,  
Trạch dân hai chữ luống doanh ở lòng.  
Đã cam thẹn với non sông,  
Cứu thời hai chữ luống trông thuở nào.  
(NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP)*

Thôi thời sự chẳng như nguyên, hãy lo bề minh-triết bảo thân làm trọng. Cái tư-tưởng thoát trần của tiên-sinh cũng từ đó mà nảy ra. Thân tiên-sinh đương ở trong vòng lịch-sử xung-đột, mà chí tiên-sinh lẩn-quất nơi lưu thủy cao sơn :

*Nước trong rửa ruột sạch trơn,  
Một câu danh-lợi chi sồn lòng đây.  
(LỤC VÂN TIÊN)*

Lão chàai thốt ra lời ấy trong truyện, chính là cái bóng của tiên-sinh. Khóa lợi vòng danh, lánh mình cho vẹn, nếu không là anh-hùng tạo thời-thế, thời chớ cho thời-thế khuất anh-hùng. Bởi thế cho nên mấy lần tiếp ông chủ-tĩnh Bến-tre, tiên-sinh mấy lần cảm ơn mà từ-khước những món quà vinh-hoa phú-quí :

*Huống ta là kẻ không ngôi,  
Tài chi sửa gỏi làm tôi nước loạn ?  
**Tốt hơn là : Xưa nay lẽ có thanh suy,  
Gặp sau chịu vậy, hỏi chi sự đời.***

*Ta nghe quân-tử vui trời,  
Chỗ lo chẳng vượt khỏi nơi ngôi mình.  
Dầu còn lòng chánh làm lành,  
Lành nào phải hỏi tiền-trình làm chi.*  
(NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP)

Không còn thể vẫy-vùng, tiên-sinh đành an mạng, mà giữ lấy lòng thanh-cao, để cho *mặc lượng cao dày xử với dân*. Đọc NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP của tiên-sinh, chẳng những là ta nhập môn đạo Kỳ Hoàng quen với *Linh Khu, Tố Vấn, Nan Kinh*, là những bốn cội-gốc của đông-y mà ngày nay nhiều thầy thuốc bắc không biết đến tên, lựa chi là nói đến nghĩa của nó. Đọc NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP ta lại còn rõ được lòng và thấy được khí-tiết của Đồ Chiểu. Lại đọc DƯƠNG TỬ – HÀ MẬU ta thấy một vị đạo-sĩ trong truyện này, tức cũng là đại-diện của tiên-sinh, đã có lời :

*...Trọn đạo thì thôi,  
Làm người lựa phải trau-giồi tánh danh.  
Trời cao đất rộng thanh-thinh,  
Non xanh nước biếc mà đành phôi-pha.  
Hỏi thì ta phải nói ra,  
Ba ngàn thế-giới ta là vô danh.*

Danh đã không màng, lợi đã không màng, cho nên văn cảnh của tiên-sinh thật là cảnh tịch-liêu trong tâm-hồn. Người vì nước đã rú nhau chết ngạt hầu hết rồi. Tiên-sinh sống thừa, tiếng đồng vọng của cuộc đời đến tiên-sinh không còn phản xạ.

Ngồi giảng nghĩa năm kinh bốn truyện ở tận nơi chân trời góc biển, tiên-sinh để trí vãn-vơ theo ngọn triều biển-cổ lan-bủa dần từ Nam ra Bắc. Ngày 6-6-1884 Triều-đình ký tờ hòa-ước Patenôtre, ngày 17-8 năm ấy vua Hàm-nghi lên ngôi, ngày 6-7 năm sau vua Hàm-nghi chạy trốn. Những cái tin như thế, mỗi cái tới là cõi lòng tiên-sinh mỗi thêm héo-don, như cõi thu mỗi lượt gió may hiu-hắt thổi là mỗi lác-đác rơi vàng.

Tháng giêng năm nhâm-tí (tháng 2-1888) vua Hàm-nghi bị bọn phản-thần khám-phá tông-tích, sắp bị nả-tróc. Bấy giờ Nguyễn-đình Chiểu đã già rồi, có thể đã suy-nhược đời đường, dầu cho tinh-thần có còn muốn phấn-đấu mà làm sao chống nổi lại ngọn triều ác-liệt mãnh tấn. Nghe tin vua Hàm-nghi chẳng lành, tiên-sinh không ngớt thở dài than-khóc, cơm-cháo lánh mùi, mà thỏn-mỏn chết dần. Ngày hai-mươi-bốn tháng năm, năm mậ-tí (3-7-1888) tiên-sinh buông hơi thở cuối cùng ở Ba-tri.

# PHẦN THỨ HAI : TRÍCH-LỤC VĂN-PHẨM CỦA NGUYỄN-ĐÌNH CHIỂU

## I. THỂ THẤT-NGÔN

### « NGŨ-LUÂN TUYỆT CÚ »

#### 1. CHA CON

*Cha phải cha, con phải đạo con,  
Rằng lành rằng thảo tiếng hay còn.  
Cây kiêu, cây tử đời thường vi,  
Chẳng trái lòng nhau mới đặng tròn.*

#### 2. VUA TÔI

*Vua phải vua, tôi phải đạo tôi,  
Sửa-sang giếng-môi mới nên ngôi.  
Minh hương hai chữ vầy trên dưới,  
Nước trị nhà an bốn biển vui.*

#### 3. VỢ CHỒNG

*Vợ phải đạo vợ, chồng phải chồng <sup>13</sup>  
Vợ chồng là đạo đất trời thông.  
Khó-nghèo đều chịu, giàu đều hưởng,  
Kết tóc trăm năm trọn một lòng.*

#### 4. ANH EM

*Anh phải anh, em phải đạo em.  
Huân tri hai ống thổi nghe êm,  
Sanh đồng một cội là xương-thịt,  
Sống thác nương nhau ở diêu-mềm.*

#### 5. BẬU BẠN

*Làm người bậu bạn muốn nên danh,  
Lời thẳng khuyên nhau ở lấy lành.*

*Giao mặt xưa răng vàng ngọc báu,  
Giúp tình nhân-nghĩa thêm rất xinh.*

(Năm bài này rút ở tập DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

**« TẶNG KHÔNG-TỬ »**

*Biết ơn phu-tử, nghĩa quân-thần,  
Nhờ có trời sanh đức Thánh-nhân.  
Nét mực tu kinh ngăn đũa loạn,<sup>14</sup>  
Dấu xe hành đạo rạch trong trần.<sup>15</sup>  
Trăm đời còn cảm lời than phụng,<sup>16</sup>  
Muôn thuở đều thương tiếng khóc lân.<sup>17</sup>  
Phải đặng bút châu biên sách Hán,<sup>18</sup>  
Mọi nào dám tới cạo đầu dân.  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)*

**« ĐẠO NGƯỜI »**

*Đạo trời nào phải ở đâu xa,<sup>19</sup>  
Gội tắm lòng người có giải ra.  
Mến nghĩa bao đành làm phản nước,  
Có nhân nào nữ phụ tình nhà.  
Xưa nay đều chọn đường trung-nghĩa,  
Sách-vở còn ghi lễ chánh-tà.  
Năm phẩm rùng nhu săn-sóc lấy,<sup>20</sup>  
Ấy là đạo vị ở mình ta.  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)*

**« TẶNG QUAN-VÂN-TRƯỜNG »**

*Tấm lòng ngay chúa thấu trời cao,  
Năm ải khôn ngừa một lưỡi đao.*

*Núi đất ba lời gìn nghĩa Hồn ;  
Sông vàng hai trận trả ơn Tào.  
Cuốn kinh bát loạn tay nào mới,  
Ngọn đuốc phù nguy gió dễ xao !  
Phải thuở Kinh-châu mà giữ chắc,  
Nguy Ngô hai nước há nài sao ?  
(Trích DƯƠNG TỬ – HÀ MẬU)*

**« NGỰA TIÊU-SƯƠNG »**

*Tiếng đồn ngàn dặm ngựa Tiêu-sương,  
Lầm đũa gian mưu nghĩ khá thương !  
Giậm vó chẳng màng ăn cỏ Tống,  
Quài đầu lại hí, nhớ tàu Lương.  
Chẳng cho chủ khác ngồi lưng cổ,  
Thà chịu vua ta năm khớp cương.  
Ngựa nghĩa còn cứu nhà nước cũ,  
Làm người bao nữ phụ quê-hương.  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)*

**« CON ĐÊ »**

*Ngọn roi Tô Vĩ dấu vừa qua,  
Đê của ai nuôi lại thả ra ?  
Bờ-cõi mấy năm từng dọn vén,  
Râu ria một lũ tới xông pha.  
Năm cao dậu chẳng kiêng thần miếu,  
Ăn bậy sao không sợ chủ nhà ?  
Phải dựng lưới gươm người Hứa Chủ,  
Be he đâu dám giậm vườn ta.  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)*



« NGƯ »

Ai nói rằng nghề hạ bạc hư ?  
Chớ chê chài lưới thói bần xừ.  
Biếng theo ông Lữ câu danh-lợi,  
Sánh với thầy viên bói thủy-ngư.  
Chở cá giang-hồ trăm chợ đủ,  
Chiếc thuyền phong-nguyệt bốn mùa dư.  
Trọn nhờ lộc nước vui ngày tháng.  
Giềng-mối trong tay nắm chặt khư.  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

« BỐC »

Trải đời thường chuộng báu thi qui <sup>21</sup>  
Nông-nực mùi hương chúa Phục-hi <sup>22</sup>  
Tám quẻ bố ra đường bí-yếu,  
Sáu hào xây để máy u-vi.  
Kiết-hung muôn việc vài lời đoán,  
Thời-vận ngàn năm một lẽ suy.  
Bày vẽ khắp trời đường họa phước,  
Nào con mắt tục mấy người tri.  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

« XÚC CẢNH »

Cây ngỏ ngùi ngùi ngóng gió đông,  
Chúa xuân đâu hỡi, có hay không ?  
Mây giăng ải bắc trông tin nhận,  
Ngày xế non nam bật bóng hồng.  
Bờ-cõi xưa còn chia đất khác, <sup>23</sup>  
Năng sương nay dễ đội trời chung.  
Bao giờ thánh-đế ờn soi thấu,

*Một trận mưa nhuần rửa núi sông.*  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)

**« TRỜI BÃO »**

*Phi-Liêm binh-mã đóng nơi nào ?<sup>24</sup>*  
*Oai gió đưa ra sóng biển nhào.*  
*Thối nóc miếu chùa hơi vụt-vụt,*  
*Xô nhàu cây đá tiếng ào-ào.*  
*Ai rằng chằm Lộc mê Ngu Thuấn,<sup>25</sup>*  
*Ta nhớ sông Tri giải Hớn Cao.*  
*Một trận bão rồi bờ-cõi sạch,*  
*Trời thu như cũ mãi không hao.*  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)

**« NƯỚC LỤT »**

*Mưa từ chặn, gió từ hồi,*  
*Thế-giới bao nhiêu nước khoả rồi.*  
*Lũ kiến bất tài đòi chỗ khắp,*  
*Củ rều vô dụng kết bè trôi.*  
*Lao-xao cụm luộc nghe chim óng,<sup>26</sup>*  
*Lổm-xổm giường cao thấy chó ngòi.*  
*Nỡ để dân đen trên gác yếu,*  
*Nào vua Hạ Võ ở đâu ôi !*  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)

**« CHẠY GIẶC »**

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng tây,*  
*Một bàn cờ thế phút sa tay !*  
*Bỏ nhà lũ chó băng-xăng chạy,*  
*Mất ổ bầy chim dáo-dát bay.*

*Bến Nghé của-tiền tan bọt nước,  
Đông-nai tranh ngói nhuộm màu mây.  
Hỡi trang đẹp loạn ! rày đâu vắng ?  
Nỡ để dân đen mắc nạn này.*  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)

**« TỪ-BIỆT CỔ-NHÂN »**

*Vì câu danh-nghĩa phải đi ra,  
Day mũi thuyền nam dạ xót-xa.  
Người dễ muốn chi nường đất khách,  
Trời đà khiến vậy mển vua ta.  
Một phương thà tránh đường gai-góc,  
Trăm tuổi cho tròn phận tóc da.  
Chén rượu đồ lòng xin cạn chén,  
Nhớ nhau : ngày khác... biết sao mà !*  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)

**« LÀM THUỐC »**

*Trời đông sùi-sụt gió mưa tây,  
Đau ốm lòng dân cậy có thầy.  
Phương cũ vua tôi gìn trước mắt,<sup>27</sup>  
Mạng nay già trẻ gởi trong tay.  
Trận đồ tám quẻ còn roi dẫu,<sup>28</sup>  
Binh-pháp năm mùi sẵn cỏ cây.  
Hỡi bạn y-lâm ! ai muốn hỏi,  
Đò xưa bến cũ có ta đây.*  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)

**« TỰ THUẬT »<sup>29</sup>**

*Xe ngựa lao-xao giữa cõi trần,*

*Biết ai thiên-tử, biết ai thần ?  
Nhạc thiều tiếng dứt khôn trông phụng<sup>30</sup>  
Sách Lỗ biên rồi khó thấy lân.<sup>31</sup>  
Khỏe mắt Hi-Di trời Ngũ-Quí.<sup>32</sup>  
Mỗi lòng Gia-cát đất tam phân.  
Công-danh chi nữa ăn rồi ngủ,  
Mặc lượng cao dày xử với dân.  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)*

**« ĐIỀU PHAN THANH GIẢN »<sup>33</sup>**

*Non nước tan-tành, hệ bởi đâu ?  
Dàu dàu mây bạc cõi Ngao-châu<sup>34</sup>  
Ba Triều công-cán vài hàng số<sup>35</sup>  
Sáu tỉnh cương-thường một gánh trâu.  
Trạm bắc ngày chiều tin điệp vắng,  
Thành nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.  
Minh-sanh chín chữ lòng son tạc<sup>36</sup>  
Trời đất từ đây mặc gió thu.<sup>37</sup>  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)*

\*

*Lịch-sĩ tam triều độc-khiết thân,  
Vĩ quân nam bảo nhất phương dân.  
Long-hồ ninh phụ thơ sanh lão,  
Phụng-các không qui học-sĩ thần.  
Bình tiết tăng lao, sanh Phú Bặc,  
Tận trung hà hận, tử Trương Tuần<sup>38</sup>  
Hữu thiên ! Lục tỉnh tồn vong sự<sup>39</sup>  
An đắc thung-dung tựu nghĩa-thần<sup>40</sup>  
(Chép theo NGUYỄN-ĐÌNH CHIÊM)*

## « ĐIỀU PHAN CÔNG TÔNG »

(Ở làng Bình-đông quận Ba-tri – Bến-tre – tử trận năm 1868<sup>41</sup> ở Giồng-gạch, cách chợ Ba-tri 2 km). Gồm có mười bài liên-hoàn bát cú :

**I.** *Thương ôi ! người ngọc ở Bình-đông,  
Lớn nhỏ trong làng thấy mến trông.*

*Biết đạo khác phe con mắt tục,  
Dạy dân giữ vẹn tấm lòng công.  
Đặng danh vừa rạng bề nhà-cửa,  
Vì nước riêng đền nợ núi-sông.  
Một trận trải gan trời đất thấy,  
So xưa nào thẹn tiếng anh-hùng.*

**II.** *Anh-hùng thà thác chẳng đầu Tây,  
Một giấc sa-trường phận rủi may.*

*Viên đạn nghịch-thần treo trước mắt,  
Lưỡi gươm địch-khái nắm trong tay.  
Đầu tang ba tháng trời riêng đội,  
Lòng giận ngày thu đất nổi dày.  
Tiết mới một lòng ra đất trụi,  
Cái xên con rã nghĩ thương thay !*

**III.** *Thương tay, tạo-vật khuấy người ta,  
Nam đối làm Tây, chính lại tà.*

*Trống nghĩa bảo an theo sấm rập,  
Cờ thù công-tử guộng mây qua.  
Én vào nhà khác toan nào kịp,  
Hươu thác tay ai, vọi hỡi xa.  
Trong số nên hư từng trước mắt,  
Người ơi ! trời vậy tính sao ra.*

**IV.** *Sao ra nháy-nhót giữa vòng danh,*

*Son đóng chưa khô ấn đốc-binh.  
Đuốc gió nhẹ xao đường thủy-thạch,*

Cỏ hoa ngùi động cửa trâm-anh.  
Trên dòng lửa cháy cờ tam-sắc,  
Dưới gánh đèn lờ bản thất-tinh.  
Dẫu khiến nghe can vùng đất hiểm,  
Chờ trời nào đến tuổi vong-linh.

**V.** Vong-linh sớm gặp buổi đời-suy,  
Trăm nét cân-đo, ít lỗi-nghi.  
Bóng-bọt hình-hài vừa lổ thấy,  
Ngút mây phú-quí bỗng tan đi.  
Sanh năm mươi tuổi ăn-chơi mấy,  
Quan bảy tám ngày sướng-ích chi.  
E nổi dạ-đài quan lớn hỏi :  
« Cớ sao xấu-mếu cõi Ba-tri ? »

**VI.** Ba-tri từ vắng tiếng hơi chàng,  
Gió thảm mưa sầu khá xiết than.  
Vườn luống trông xuân hoa ủ-dột,  
Ruộng riêng buồn chủ lúa khô-khan.  
Bầy ma bất chánh duồng làm nghiệt.  
Lũ chó vô cô cũng mắc nàn.  
Người ấy vì ai ra cớ ấy,  
Chạnh lòng trăm họ khóc quan Phan.

**VII.** Quan Phan thác trọn chữ trung-thần,  
Ôm tiết như người cũng nghĩa dân.  
Làng để đành theo ông hữu đạo,  
Cõi phàm hồ ngó lũ vô quân.  
Lòng son xin có hai vầng tạc,  
Giồng-gạch thà không một tấm thân.  
Ai khiến cuộc hòa ra cuộc chiến ?  
Người qua An-lái luống băng-khuâng.

**VIII.** Băng-khuâng ngày xế cả than trời,  
Ai đổ cho người gánh nạn đời.

Nắm mặt Cối-kê đâu chẳng giận,  
Cặp dùi Bác-lãng há rằng chơi.  
Một lòng cung-kiếm rồi vay trả,  
Sáu ải tang-thương mặc đổi đời.  
Thôi mất cũng cam, còn cũng khổ,  
Nay Kim mai Tống, thẹn làm người.

**IX. Làm người trung-nghĩa đáng bia son,  
Đứng giữa càn-khôn tiếng chẳng mòn.**

Cơ-áo đèn-bồi ơn đất nước,  
Râu mày giữ- vẹn phận tôi con.  
Tinh-thần hai chữ phao sương tuyết,  
Khí-phách nghìn thu rở núi non.  
Gẫm chuyện ngựa Hồ chim Việt cũ,  
Lòng đây tưởng đó mất như còn,

**X. Như còn chẳng gọi thế rằng cô,  
Cái chuyện hoa-vi trước vẽ đồ.**

Sở hồi trót ghi cừu họ Ngũ,  
Hán đâu khỏi trả hận thẳng Ngô.  
Vàng tơ sử Mã giới đường sứ,  
Búa vót kinh Lân lấp dấu hồ.  
Ngày khác xa thơ về một mối,  
Danh thơm người tới cõi Hoàng-đô.

### **« ĐIỀU TRƯỞNG ĐỊNH » (12 bài)**

**I. Trong Nam tên họ nổi như cồn,  
Mấy trận Gò-công nước tiếng đồn.  
Đấu đạn hồi rêm tàu bạch-qui,  
Hơi gươm thêm rạng thế hoàng-môn.  
Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bẻ,  
Quả ấn Bình-tây đất vội chôn.  
Nỡ khiến anh-hùng rơi giọt lụy**

*Lâm-dâm ba chữ điệu linh-hồn.*

**II.** *Linh-hồn nay đã tách theo thân,*

*Sáu tình còn roi dẫu tướng-quân.*

*Mực sở lãnh-binh mờ mắt giặc,*

*Son băng ứng nghĩa thăm lòng dân.*

*Giúp đời dốc trọn ơn nam-tử,*

*Ngay chúa nào lo tiếng nghịch-thần.*

*Ốc ngở tướng tinh rày trở mặt,*

*Giúp xong nhà nước buổi gian-truân.*

**III.** *Gian-truân kẻ xiết mấy nhiều lần,*

*Vì nước đành trao một tấm thân.*

*Nghe chốn Lý-nhân người sáng-sốt,*

*Nhìn cồn Đa-phước cảnh băng-khuâng.*

*Bát cơm Kê-lữ chi sồn buổi,*

*Mảnh áo Mông-lung chẳng nệ phần.*

*Chí dốc ra tay nâng vạc ngã,*

*Trước sau cho trọn chữ quân-thần.*

**IV.** *Quân-thần còn gánh nặng hai vai,*

*Lỡ dở công-trình hệ bởi ai ?*

*Trăm đám mộ binh vầy lớn nhỏ,*

*Một gò cô-lũy chống hôm mai.*

*Lương-tiền nhà ruộng ba mùa trước,*

*Thuốc đạn ghe buôn bốn biển ngoài.*

*May rủi phải chăng, trời đất biết,*

*Một tay chống-chỏi mấy năm dài.*

**V.** *Năm dài những mảng ngóng tin vua,*

*Nín nhục thềm toan lẽ được thua.*

*U kế năm hằng còn chỗ đoái,*

*Ngô Tôn tám chước đợi ngày đua.*

*Bày lòng thần-tử vài hàng số,*

*Giữ mỗi giang-sơn mấy đạo bùa,*



*Phải đặng tuổi trời cho mượn số,  
Cuộc này ngay vậy có phân-bua.*

**VI.** *Phân-bua trời đất biết cho lòng,  
Công-việc đâu đâu cũng muốn xong,  
Cám nỗi nhà nghiêng lăm chống cột.  
Nài bao bóng xế luống day đòng,  
Đồng-nai, chợ Mỹ, lo nhiều phía.  
Bến-nghé Sài-gòn, kể mấy đông,  
Dẫu biết dùng binh nhờ đất hiểm.  
Chẳng đành xa bỏ cõi Gò-công.*

**VII.** *Gò-công binh-giáp hời chàng-ràng,  
Đoái Bắc trông Nam luống thờ-than.  
Trên trại Đồn-đàn hoa khóc chủ,  
Dưới vòm Bao-ngược sóng kêu quan.  
Mây giăng Truông-cóc đường quân vắng,  
Trăng xế Gò-rùa tiếng đấu tan.  
Mấy dặm non-sông đều xứng-vững,  
Nạn dân ách nước để ai toan ?*

**VIII.** *Ai toan cho thấu máy trời sâu ?  
Sự thế nghe thôi đá lắc đầu !  
Giặc cỏ om-sòm mưa lại rười,  
Binh sương lác-đác nắng liền thâu.  
Cờ lau đã xếp trên Giồng-tháp,  
Trống sấm còn gầm dưới Cửa-khâu.  
Cảnh ấy những mơ người ấy lại,  
Hội này nào thấy tướng-quân đâu.*

**IX.** *Tướng-quân đâu hời có hay chẳng ?  
Sáu tình cơ-đồ, nửa đã ngăn.  
Cám nỗi kiến-ong ra sức dẹp,  
Quản bao sâu-mọt chịu lời nhặng.  
Đá kêu rêu mọc bia Dương Nghiệp,*

Cỏ úa hoa tàn mả Lý Lăng<sup>42</sup>  
Thôi vậy thời vầy, thôi cũng vậy,  
Anh-hùng đến thế để ai dẫn ?<sup>43</sup>

**X.** Để ai dẫn-thúc lối sau này,  
Trời bởi chưa cho vội đổi xây.  
Thà buổi tràng-sa da ngựa bọc,  
Khỏi nơi Đạo-chích tiếng muông rầy.  
Lục-lâm mấy chặng hoa sầu bạn,  
Thủy-hử vì đâu nhận rẽ bày ?  
Hay vậy cõi biên giông vó ký,  
Náu-nương chờ vận có đâu vầy.

**XI.** Đâu vầy sấm chớp nổ thành-linh,  
Gió bật thêm buồn mấy đạo binh.  
Ngựa trạm xãng-vãng miền Bắc-khuyết,  
Xe nhung ngựa-ngấn cõi Tây-ninh.  
Bài văn phá Lỗ, cờ chưa tế,  
Tấm bảng phong-thần gió đã kinh.  
Trong cuộc còn nhiều tay tướng-tá,  
Lời nguyện trung-nghĩa há làm thinh.

**XII.** Làm thinh hổ đứng giữa hai ngôi,  
Ném mật từ đây khó nổi ngời.  
Mũi giáo Thi Toàn đừng để sét,  
Lưỡi gươm Dự Nhượng phải toan giồi.  
Đánh Kim chi sá thẳng Lưu Dự,  
Giúp Tống xin phò gã Nhạc Lô.  
Dâng hộ nước Nam về một mối,  
Ngàn năm miếu vũ-rạng công tôi.

## « HOÀI CỔ »

Từ thuở Đông-Châu xuống đến nay,

Đạo trời rậm-rạp mây ai hay.  
Hạ Thương đường cũ gai bò lấp,  
Văn-võ nền xưa lúa trở đầy.  
Năm bá mượn vay nhân-nghĩa mọn,  
Bảy hùng giành xé lợi-danh bay.  
Kinh Lân mong đẹp tôi con loạn,  
Sử Mã không ngăn mọi rợ bày.  
Giùi mỗ Mặc Dương khoa rộ-rực,  
Tiếng chuông Phật-lão gióng vang đầy.  
Lửa Tần tro Hạng vừa nguôi dẫu,  
Am Hán chùa Lương nổi tiếng ngày.  
Trong đám cứu-lưu đều nói tổ,  
Bên đường tam-giáo cũng xưng thầy.  
Khe đào động lý nhiều đường trốn.  
Rừng trúc đèn mai lắm bạn say,  
Pháp bán Thi Thư sâu-mọt nát,  
Màu xuê Lễ Nhạc bụi tro dày  
Mấy giòng bến cũ chia nguồn nước,  
Trăm đám rừng hoang bít cội cây.  
Hơi chánh ngàn năm về cụm núi,  
Thói tà bốn biển động vùng mây.  
Đất trời ngày khác an ngôi cũ,  
Mừng thấy non sông bật gió tây.

(Chép theo bốn sao-lục bằng quốc-ngữ  
của NGUYỄN-ĐÌNH CHIẾU)

## II. THỂ LỤC-BÁT

### « ĐẠI-HỌC CHI ĐẠO »

Tôn-sư khi ấy hiện hình,

Trao cho quyển sách văn-minh vỡ lòng.  
Dạy rằng : Hai gã coi chung,  
Việc trong kim cổ sẵn dùng nhiều nơi.  
Thánh xưa hiền trước để lời,  
Phò vua, giúp nước, sửa đời, dạy dân.  
Học cho biết lẽ quân-thần,  
Biết phần phụ-tử, biết phần hiếu-trung.  
Dặn-dò tua khá thìn lòng,  
Chớ tham của hoạn <sup>44</sup> đừng mong thói tà.  
Nhiều người theo đạo nho ta,  
Tiếng đồn thời khá, vậy mà làm nhãng.  
Bởi vì không xét lòng hăng,  
Bỏ quê cội-gốc, theo phăng ngọn-ngành.  
Giàu-sang có số trời giành,  
Trau mình giữ thẳng làm lành mới nên.  
Hai con chữ dạ cho bền,  
Một câu « minh-đức » chớ quên thơ này.

**Thơ rằng :**

Trên là quan trưởng, dưới là dân,  
Hư tấm lòng rồi, cực tấm thân.  
Đi học phải toan tấm cội-gốc,  
Đặng thời chớ khá dứt nguồn-ân.  
Bốn mùa đông rặng đều theo số,  
Trăm họ giàu-nghèo cũng có phần.  
Xin giữ lòng hăng chuyên việc học,  
Một câu phước họa để trời cân.  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

**« KHUYÊN ĐỜI »**

Hòa-thượng cũng người học nhu,  
Tên là Trần Kỳ ở Phù-đỗ-sa.

Lắm phen ứng cử đấng khoa,  
Thi văn chẳng đỗ, lòn ra cửa thiềm.<sup>45</sup>  
Giận đời nhiều việc đảo-điên,  
Làm thi khuyến thế miêng liền ngâm chơi.

**Thi rằng :**

Người xưa nay trót đứng xem chơi,  
Nào muốn cứu chi cái sự đời.  
Phụng Thuấn, lân Nghiêu, tuồng trước nát,  
Hươu Tần, rắn Hán, thói sau đời.  
Thánh-hiền để tiếng vài pho sách,  
Tạo-hóa theo mình mấy tắc hơi.  
Trong cuộc phù-sinh ai cũng thế,  
Rằng hay rằng dở chẳng qua trời.  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

**« ĐƯA DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU »**

Hai người từ-biệt Lão Nhan,  
Ra nơi Vân-động theo đàn ngày xưa.  
Tri Niên họ Lý theo đưa,  
Dùng-dăng cửa động còn chưa chỉ đường.  
Chuốc ra hai chén quỳnh-tương,  
Rằng xin gượng uống về đường cho an.  
Từ đây xuống chốn dương-gian,  
Non tiên xa cách khôn đàn trở lên.  
Gặp nhau biết lấy chi đền,  
Chút duyên bè nước nào quyên tình này.  
Ngàn năm bóng gió ở đây,  
Riêng than chim nạn rẽ bầy kêu xa.  
Vội-vàng nào kịp hái hoa,  
Dương-quan hành liễu gọi là đưa nhau.  
Của đưa nào báu chi đâu,

Sao bằng mùi đạo tám câu năm vắn.  
Ta xin bắt-chước cổ-nhân,  
Gọi thơ đưa bạn dương-trần ngày nay.

**Thơ đưa Dương Từ :**

Thiên-thai xa cách cõi Nam-khương,  
Hoa cỏ ngùi ngùi cám họ Dương.  
Chùa Phật không cầm cây lão mai.  
Động tiên xin chuốc chén quỳnh-tương.  
Chút tình bóng gió riêng cưu bạn,  
Mấy dặm non sông vội tách đường.  
Đói lạnh dẫu xưa ai cũng biết,  
Người về nhà nước hiếm người thương.

**Thơ đưa Hà Mậu :**

Long-môn chốn cũ lại bôn-ba,  
Non nước băng-khuâng cám họ Hà,  
Nước thánh năm đời lòa mắt tục.  
Rượu tiên một thuở rửa lòng tà,  
Đào-nguyên khó hẹn tin bèu nhóm,  
Vân-động riêng buồn tiếng hạc xa.  
Khôn-dại sự đời người đã thấy,  
Nên mình rồi phải giúp người ta.  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

**« THANH PHONG, MINH NGUYỆT »**

Môn rằng chẳng những tài nghề,  
Bạn thầy như ngọc chương-khuê đức tuyền.  
Người ta mong học hi hiền,  
Thầy ta hi thánh, bàn nguyên hi thiên.  
Bạn thầy mong học hi thiên,  
Có nghe tên họ đời truyền hai ông :  
Hiệu xưng rằng Hưởng Thanh Phong,

Rằng Ánh Minh Nguyệt, hai ông bạn thầy.  
Thanh Phong cầm tiết chẳng sai,  
Bụi nơ chẳng chút, so tà giá trong.  
Lấy lòng tạo-hóa làm lòng,  
Cho người nghe tiếng, khó mong thấy hình.  
Thanh Phong vốn đã sạch mình,  
Lại thêm Minh Nguyệt tài lành thú cao.  
Tốt thay Minh Nguyệt thú cao !  
Đường trong trời đất chỗ nào chẳng thông.  
Lòng gương soi khắp non sông,  
Êm thanh cảnh vắng, bạn cùng văn-nhân  
Hai ông khí-tượng tinh-thần,  
Một người một vẻ mười phân rõ-ràng.  
Ở theo một đấng thanh-nhàn,  
Lành trao đạo vị chẳng mang lụy đời.  
Thầy ta thường bữa ngâm chơi,  
Khen hai ông ấy có lời thi ngâm :

**Khen Thanh Phong :**

Tiếng ra đời bụi chẳng nơ mình,  
Người triết yêu ta một chữ thanh.  
Khinh thói (...) trời tan tiếng oán,  
Sạch (...) dẫy đất giúp (...) sanh<sup>46</sup>  
Êm lòng Sào Hứa chơi khe biếc,  
Mát mặt Di Tề ngó núi xanh.  
Ba chục sáu cung đâu chẳng biết,  
Đức làm quân-tử đặng thơm danh.

**Khen Minh Nguyệt :**

Khỏi vòng hối thực thấy ra mình,  
Đời tối trong ta một chữ minh.  
Bóng tỏ ven mây lồng đất trắng,  
Gương thêm đáy nước vẽ trời xanh.

Ra vào chẳng nhọc người giông bước,  
Tròn méo nào cho vật giấu hình.  
Hai-chục-tám sao đều chạy mặt,  
Theo thời biết mấy lúc hư dinh.<sup>47</sup>  
(Trích NGƯ TIÊU VẤN ĐÁP)

« HOA SEN LỐI THÌ »

Xây nghe trên huyện Nam-khương,  
Tờ đòi sĩ-tử tựu trường ứng thi.  
Bao nhiêu chúng bạn đều đi,  
Anh em giành thứ nhất nhì đậu cao.  
Về nhà sắm-sửa niếp bao,  
Lên Hà-đông trấn đặng vào thu-vi.<sup>48</sup>  
Hai chàng cất gánh ra đi,  
Nửa đường xây gặp trò thi trở về.  
Nói rằng có bản chiêu đề,  
Rao cho sĩ-tử trở về khoa sau.  
Ngày nay có giặc tây-châu,  
Lịnh sai quan Trấn họ Âu dẹp loạn,  
Học trò ai nấy đều than,  
Ba năm một hội lữ-làng công-phu.  
Ra về đương lúc sơ-thu,  
Ven đường thấy cảnh, dạ sầu nào nguôi.  
Khắp nơi bỏ cõi ngậm-ngùi,  
Gió tây dìu-dặt mấy mùi kỳ-hoa.  
Lá cây vàng rụng trơ chà,  
Chim kêu giéo-giắt người xa thêm sầu.  
Hai chàng nghĩ việc trước sau,  
Về đường phân nói cùng nhau mấy lời.  
Trân rằng hổ đứng dưới trời,  
Phận làm nhân-tử ở đời chẳng may.



Cha thời sống thác nào hay,  
Mẹ thời già-yếu liền ngày ngồi trông.  
Tưởng là đèn sách nên công,  
Sớm cho gặp hội mây rồng hiển-dương.  
Hay đâu thời buổi nhiều-nhương,  
Lở bề báo hiếu, lỡ đường lập thân.  
Luận theo trong cõi phàm-trần,  
Ngọc lành chờ giá biết phần ai mua.  
Sau dầu đặng lộc nhà vua,  
Thung-huyền chếch-mác se-sua ai nhờ ?  
Bửu rằng danh-lợi phình-phờ,  
Ví như hình vẽ khôn dò sâu nông.  
Trời tây khó nổi vị lòng,  
Ngày xuân nhạc thúc như vòng én mau.  
Thương thay mẹ đã bạc đầu,  
Chưa hay bóng xế nhành dâu buổi nào.  
Không nhà không cửa nài sao,  
Chịu ơn nghĩa cậu biết bao giờ rồi.  
Tình người ở bạc như vôi,  
Mấy ai biết đạo tài-bồi lấy nhau.  
Ta dầu tốt báu như châu,  
Về nơi đáy biển ai hầu biết cho.  
Anh em tỏ tấm lòng lo.  
Xảy đà gần đến bến đò sông Tương.  
Thấy tòa cổ-miếu bên đường,  
Cây cao bóng mát, vách tường phấn tô.  
Cùng nhau tránh nắng bước vô,  
Trước sân thấy có một hồ hoa sen.  
Một hồ sen nở lửa bèn,  
Hoa đua nở nhụy, hoa chen ngậm cười.  
Trân rằng cảnh khéo trêu người,  
Gấm hoa sen nợ giống người tài-hoa.

Ta nghe sen nở bông ra,  
Sớm là mùa hạ, muộn là mùa thu.  
Hỡi ôi ! Sen chẳng gặp châu,  
Muộn đâu trở tốt ai hầu khen chi ?  
Hai chàng làm một bài thi,  
Vịnh hoa sen muộn, ngụ suy việc mình.

**Vịnh Thu-Liên :**

Sen hỡi là sen ! tiếng chẳng hèn,  
Thấy sen lỡ vận tiết cho sen.  
Ngậm cười trước hạ, hèn cùng thưởng,  
Đua nở mùa thu, tốt mấy khen.  
Gương mặt bất phàm đâu biết đặng,  
Bèo tai vô dụng gọi rằng quen.  
Phải mà oanh gặp nơi tiên cảnh,  
Lá rộng cao che khắp các bèn.  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

**« NGHI-VỆ CỦA KHỔNG-TỬ »**

(DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU lên đến Huyền-thiên gặp Khổng-tử đi châu Ngọc-hoàng Đại-đế).

Phút đâu trên chốn tây-lâu,  
Nỗ ba tiếng sấm nhòm châu các cung.  
Áo, xiêm, đai, mào lạnh-lùng,  
Tinh-quân các vị rờng rờng tới nơi.  
Hai người đứng nép coi chơi,  
Những người châu-chực nhà trời là ai.  
Thấy đi có tấm thẻ bài,  
Đề rằng Khổng-tử đại-tài thánh-vương.  
Ngồi trong kiệu ngọc tán vàng,  
Một ông Khổng-tử dung-nhan tốt lành.  
Theo sau biết mấy thần linh,

Coi trong thẻ bạc đề danh đại hiền.  
Dương Tử coi thẻ khen liền,  
Hèn chi vua chúa chính-chuyên miếu thờ.  
Cho hay muôn nước đều thờ,  
Đạo ông Khổng-tử thiệt là giáo dân.  
Trong đời biết chữ nhân luân,  
Biết đường trị loạn muôn phần nhờ ai ?  
Nhớ câu : « Kế vàng khai lai »,  
Thiệt ông Khổng-tử đại-tài thánh-vương.  
Đâu đâu cũng kính cũng nhường,  
Môn-đồ cũng đặng hiển-vang trên đời.  
(Trích DƯƠNG TỬ – HÀ MẬU)

### « MỘT NGƯỜI ĐẠO-SĨ »

Xảy vừa trời sáng ra đi,  
Hỏi rằng « Húy tự tên gì dạy tôi ? »  
Sĩ rằng : « Trọn đạo thời thôi,  
« Người đời lựa phải trau-giồi tánh danh.  
« Trời cao đất rộng thanh thanh,  
« Non xanh nước biếc đã đành phui-pha.  
« Hỏi thời ta phải nói ra :  
« Ba ngàn thế-giới ta là vô danh ».  
(Trích DƯƠNG TỬ – HÀ MẬU)

### « TIÊN ĐẠO »

Dương Hà hai gã tiên quì,  
Hỏi rằng : nho-đạo dám bì tiên chững ?  
Tôn-sư thông-thả đáp rằng :  
« Đạo tiên cũng ở trong hằng đạo nhu.  
« Đạo tiên theo việc nhân du,

« Đạo chơi non nước chẳng cầu công-danh.  
« Đạo nhu lo việc kinh-dinh,  
« Giúp trong nhà nước cho mình cương-thường.  
« Tiên xưa ở chốn thi-đường,  
« Một câu nho-giáo lòng càng chẳng quên.  
« Muốn theo tiên-đạo cho bền,  
« Phải tòng nho-đạo cho mới nên phận mình.  
« Hai người đều khá hồi trình,  
« Đạo nào làm phải mặc tình rắp theo ».  
Thưa rằng : « Trót phận cheo leo,  
« Non xanh nước biếc xin theo đạo thầy ».  
Thưa rằng : « Một cõi tiên này,  
« Tiên duyên chưa dứt ở đây khó bề.  
« Sao sao cũng phải trở về,  
« Sửa-sang nhà-cửa trọn bề sẽ hay.

.....

Niên<sup>49</sup> rằng : « Một gốc thiên dân.  
« Người tiên sánh với phàm-trần đâu xa.  
« Từ trong tám thú<sup>50</sup> trở ra,  
« Việc đời rồi rảnh ấy là thần-tiên ».  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

### « NHỮNG NGƯỜI XỬ-SĨ THUỞ XƯA »

Di Tề chẳng khứng giúp Châu,  
Ăn rau non Thú, phải âu trọn mình.  
Thà như Quỷ Cốc tiên-sinh,  
Gặp đời Chiến-quốc thanh-danh chẳng sờn.  
Thà như bốn lão Thương-san,  
Hồng bay, hạc lánh, ai ràng-buộc đâu.  
Thà như hai họ Nghiêm Châu,  
Chẳng tham lộc Hán, buông câu mặc tình.

Thà như Ngũ Liễu tiên-sinh,  
Gặp cơn Tấn loạn giữ mình cũng xong.  
Họ Đào tể-tướng sơn trung,  
Chúa Lương khuất lễ mấy dùng đặng sa !  
Họ Dương dạy học Phần Hà,  
Buổi Tùy không đạo ở nhà cũng hay.  
Trúc Lâm bầy bạn điềm say,  
Nước loạn bầu rượu, còn ai chê mình.  
Lung du là bọn Lan Đình,  
Bụi Hồ chẳng đến như hình chiếc ghe.  
Sách nêu xử-sĩ nhiều bề,  
Hành tàng hai chữ, ít nghe phụ lòng.  
Vòng danh khóa lợi thả giong,  
Vật ngoài gió-bụi, người trong tiên-thần.  
Thôi thời thôi vậy giữ phần,  
Làm chi cho khổ tấm thân mới từ.  
(Trích NGŨ TIÊU VẤN ĐÁP)

**« MỘT LÃO TIÊU NÓI CHUYỆN VỚI DƯƠNG-TỪ »**

Xây nghe bên cụm cây xanh,  
Có người đốn củi lạnh-chanh hát rằng :  
Núi non đây nhiều cây nghinh-ngáng,  
Dọn trống đường nhờ cán búa ta.  
Búa trong tay liền ngày đốn củi,  
Vui rừng trời tránh buổi loạn ly.  
Cội cây im phải tìm núp bóng,  
Mặc người đời dù lọng nghinh-ngang.  
Dương Từ nghe hát mấy lời,  
Xăm xăm bước tới thấy người tiêu-phu,  
Hỏi rằng : « Nhà-cửa ở đâu ?  
« Còn trong miếu ấy công hầu bực chi ? »

Tiêu rằng : « Trong miếu « Hiếu Từ »,  
« Thờ ông Mẫn Tử thuở kỳ Xuân-thu.

.....

« Thảo thân một tấm lòng bền,  
« Cảm-tình mẹ ghẻ chẳng quên con chông.  
« Nhớ câu « Hiếu đễ thanh phong ».  
« Người trong nước Lỗ đều mong học đòi.  
« Sắc phong một thuở hãn-hòi,  
« Hiếu Từ hai chữ dấu roi để đời.

« Ta đây một họ cùng người,  
« Kêu bằng ông tổ ba-mươi-bốn đời ».

Từ rằng : « Xin hỏi vài lời,  
« Người là vốn thiệt cũng người tâm-anh.  
« Sao không ra lập công-danh,  
« Noi theo ông tổ hiển-vinh mà nhờ ? »

Tiêu rằng : « Trước mắt sờ-sờ,  
« Xưa qua nay lại dễ chờ-đợi chi.  
« Đua theo hai chữ « tương khi »,  
« Trên quyền, dưới lợi, đoái gì thiên luân.  
« Nước thời chia bốn năm phần,  
« Can qua chẳng biết mấy lần đánh nhau.  
« Trong thời gian-nịnh giùm đầu,  
« Ngoài thời đua-mị đua cầu tham quan.  
« Chánh ra dữ quá cọp vàng,  
« Lòng dùng độc quá hổ-mang thường-luồng.  
« Bốn phương mọi rợ luông-tuồng,  
« Nay giành ải hổ, mai ruộng ải lang.  
« Nơi nơi trộm cướp dấy loạn,  
« Lê dân hết sức, của tan chẳng còn.  
« Cõi trong trời đất thon-von,  
« Khói mây đen nghệt, nước non đeo sầu.  
« Biết đời Tam-Đại là đâu.

« Gặp khi Thúc-Quí phải âu lánh mình ».  
Từ rằng : « Bờ-côi thình-thình,  
« Chẳng tham danh lợi, lánh mình chớ lo.  
« Ở trong tạo-hóa một lò,  
« Thiếu chi nghề-nghiệp, mà phô theo tiêu ? »  
Tiêu rằng : « Cửa thánh gương treo,  
« Dùng đời chẳng đặng thời theo đời dùng ».

.....

« Khéo khôn ắt có mõi lòng,  
« Mõi lòng rồi lại mắt vòng họa tai.  
« Thử coi con thú vật ngoài,  
« Như voi, như cọp mấy ai dám bì.  
« Voi kia cao lớn đen sì,  
« Cọp ngà không dụng, can chi lụy mình ?  
« Cọp kia nanh-vuốt như binh,  
« Tắm da không dụng, ai đành đâm chi ?  
« Lấy trong việc ấy mà suy,  
« Những nghề đời dụng ra gì xưa nay.  
« Ta như cán búa trong tay,  
« Theo nơi rừng-bụi thánng ngày thánh-thời.  
« Bữa dùng một gánh củi trời,  
« Cá cơm rượu thịt thánng ngày cũng no.  
« Giữ câu phủ ngưỡng bo bo,  
« Kính thờ trên dưới miễn cho xong mình.  
« Xin đứng hổ với thần linh,  
« Cùng người đừng thẹn uổng sinh trong đời.  
« Xin đừng đổi hóa lẽ trời,  
« Cũng đừng trốn lánh việc đời thời xong ».  
(Trích DƯƠNG TỬ – HÀ MẬU)

« **CÂU CHUYỆN NGƯ-PHỦ** »

Dương Từ đi đến sông Châu,  
Ngẩn-ngơ nào biết đò đâu đưa mình.  
Ngó lên trên khúc sông quanh,  
Thấy bên vực hãm có manh cỏ bông.  
Một người đứng giữa khoan lồng,  
Gay chèo miệng hát tiếng lồng dấy-vang.

**Hát rằng :**

Bến sông Châu vực sâu cá ở,  
Thương người hiền gặp thuở loạn ly.  
Nước vẫn quanh, bầy kinh rã bạn,  
Thấy anh-hùng hoạn-nạn khá thương.  
Chiếc thuyền câu đậu đâu nên đó,  
Nước ly loạn giàu có màng chi !  
Dương Từ nghe tiếng hát kỳ,  
Bước lên trên vực coi thời thế nao ?  
Mình hơn tám thước rất cao,  
Mặt đen tóc quăn khác nào võ-phu.  
Dương Từ bước xuống ngư châu,  
Xin đưa qua đó sẽ âu hoàn tiền.  
Ngư rằng : « Người ở chùa chiền,  
« Đi đâu nên nổi mà phiến ta đưa  
« Nhắm hình chẳng phải người xưa,  
« Lánh nơi hoạn nạn tới trưa lữ-làng.  
Ta nghe trong chốn Lữ-giang,  
« Có ông ngư-phủ đưa chàng Ngũ Viên.  
« Lại nghe Đình Trưởng dừng thuyền,  
« Chờ ông Hạng Võ qua miền Ô-giang.  
« Hai người vì bởi lánh nạn,  
« Một lo rửa oán, hai toan rửa thù.  
« Sợ đời bắt kẻ tóc râu,  
« Nào ai bắt đưa trọc đầu làm chi ?  
« Nói rồi ra lẽ thị phi,



« Dẽ đưa qua đó, tiếc gì công ta ».  
Cầm chèo thông-thả đưa qua,  
Dương Từ đến bến tính ra tiền dò.  
Ngư rằng : « Lòng chẳng bo bo,  
« Phòng tham tiền-bạc so đo với người.  
« Trót đà làm phải trên đời,  
« Ngàn vàng chẳng báu, một lời rất sang ».  
Từ rằng : « Ta tiếc cho chàng,  
« Chẳng phen lương-đống, cũng trang anh-hùng.  
« Nghe rằng : nước Tấn chinh đông,  
« Cầu đặng võ-sĩ ra công can thành,  
« Cớ sao chẳng xuống Nam-kinh,  
« Phò vua giúp nước, lập danh để đời ?  
« Cá tôm đặng mấy mươi lời,  
« Theo nghề chài-lưới, quên nơi sang-giàu ».  
Ngư rằng : « Lời khéo cợt nhau,  
« Ai từng khát nước, gỏi đầu bờ ao ?  
« Người nay có khác xưa nào,  
« Đất dày thăm-thăm, trời cao mù-mù.  
« Bốn mùa thành-quách làm sâu,  
« Dân gầy, nước ốm, mỡ dầu cũng khô.  
« Thấy đời danh-lợi biếng phô,  
« Khác nào con châu nháy vô vòng đèn ».  
Từ rằng : « Xưa sách còn khen,  
« Công thành danh toại ai bèn chi ai ? »  
Ngư rằng : « Xưa đấng hiền-tài,  
« Lập thân, há chẳng biết tài bảo than ?  
« Dầu vinh cũng tiếng nhưn thân,  
« Trâu cày ngựa cỡi cái thân ra gì ?  
« Chớ ăn lộc nước đời suy,  
« Bẫy chim lưới thả, e khi mắc nà.  
« Trối ai ra sức muông săn,

« Một mai hết thả cạp ăn tới mình.  
« Sao bằng một cỡi an sinh,  
« Sông sâu vực thăm ai dành chi ai.  
« Sẵn dòng chèo quế một cây.  
« Thuyền nan một chiếc đỡ ngày hôm mai.  
« Theo sông khúc vắn khúc dài,  
« Năm ba sợi nhợ, một vài cần tre.  
« Đêm trăng ngày gió bạn-bè,  
« Vui câu hát xướng, vui ve rượu đào.  
« Thả trôi gành hạc, bãi ngao,  
« Thú vui non nước mặc dầu nghinh-ngang.  
« Cá tôm sẵn lộc trời ban,  
« Phận đà no đủ còn màng của chi ? »  
Nói rồi thông-thả chèo đi,  
« Dương Tử khen đó tính cơ lâu dài.  
Than rằng : thương đấng anh-tài,  
Sanh không gặp thuở, khó nài thân sau ! »  
Ai ôi ! lộc trọng quyền cao,  
Thú hèn cũng có anh-hào chớ khinh.  
(Trích DƯƠNG TỬ – HÀ MẬU)

### « THÚ NGƯ-ÔNG »

Nước trong rửa ruột sạch trơn,  
Một câu danh-lợi chi sồn lòng đây.  
Nay doi mai vịnh vui vầy,  
Ngày kia hóng gió, đêm này chơi trăng.  
Một mình thông-thả làm ăn,  
Khỏe vải chèo kéo, mệt quăng câu dầm.  
Nghêu-ngao nay chích, mai dầm,  
Một bầu trời đất, vui thăm ai hay.  
(Trích LỤC VÂN TIÊN)

## « THÀ ĐUI »

Sự đòi thà khuất đôi tròng mắt,  
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.  
Khách rằng : Nghe tiếng người đồn,  
Chúa Liêu khiến sứ tới môn Đan-kỳ.  
Sứ đem lễ trước nhân-sư,  
Về Liêu làm chức Thái-y trong tòa.  
Nhân-sư xưng bệnh chẳng ra,  
Chưa hay xưng bệnh ấy là bệnh chi.  
Nhập Môn nghe nói sợ nghi,  
Vội-vàng ngày ấy liền đi thăm thầy.  
Ngư Tiều sắm lễ học thầy,  
Đều theo Đường-thị lối này đam đi.  
Ba người lên chốn Đan-kỳ,  
Gió nam may thổi, vừa khi sáng chiều.  
Trời tây cảnh-vật buồn hiu,  
Hồ sen ngúc tỏ, non kiêu mây bay.  
Nơi nơi tang thạch bóng dài,  
Canh lui dậm liễu, mục quày đường dề.  
Ngày chiều nhà bức hồng nghê,  
Hương vào động núi, hạc về đình xưa.  
Ba người tới cửa vừa ưa,  
Thấy người Đạo Dẫn đứng chờ trước sân.  
Cùng nhau gặp mặt chào mừng,  
Đam vào tịnh-thất, vừa chừng huỳnh-hôn.  
Ngư, Tiều cùng gã Nhập Môn,  
Một đêm gạn hỏi chuyện tôn-sư dài.  
Dẫn rằng chuyện chẳng khá nài,  
Nhân-sư bệnh ở Thiên-thai lánh đời.  
Dạy ta thay mặt đổi lời,  
Về đây từ tạ sứ vời Tây-liêu.  
Thầy ta chẳng khứng sĩ Liêu.

Xung hai con mắt bỏ liều cho đui.  
Gặp cơn trời tối thà đui,  
Khỏi gay con mắt lại nuôi đặng lòng.

.....

Thầy rằng trời đất xưa nay,  
Khi vẫn vốn có đổi-thay chánh-tà.  
Xen hình hơi chánh lui ra,  
Dưới là ngũ-nhạc, trên là tam-quang.  
Nhờ hơi quang-nhạc sáng đàng,  
Ở đời Ngũ-đế tam vương trị vì.  
Ấy rằng khí vận thanh thì,  
Ba giếng năm mối, trọn nghì nhân-luân.  
Đến khi vận ách trời truân,  
Ghe chèo chằm Sở tạm lẩn Châu-đông.  
Nổi ra năm bá, bảy hùng,  
Đua tranh danh-lợi, lấp giòng nghĩa-nhân.  
Ấy rằng quang-nhạc khí phân,  
Thánh-hiền mờ dấu, nhân-luân rối nùi.  
Khiến nên mọi rợ dế-duôi,  
Tôi loạn con giặc phanh-phui sự đời.  
Hơi tà ngăn bủa khắp nơi,  
May còn hơi chánh ở đời bao nhiêu.  
Cho hay hơi chánh chẳng nhiều,  
Thời cùng mới thấy tiết nêu phẩm đề.

... ..

Đến nay người triết ra đàng,  
Dưới trời hơi chánh cũng tan lần mòn.  
Thử xem trong cuộc nước non,  
Bốn chia năm xé, thon-von đường nào !  
Nhảy vòng phú-quý lao-xao,  
Sớm tôi tối chúa ra vào ghìm nhau.  
Muôn dân ép tháo mỡ dầu,

Ngày trau khí-giới, tháng xâu đèn-đài.  
Thêm bè gian-nịnh oăn vai,  
Gây nên mọi rợ từ ngoài lãng trong.  
Đánh nhau thây bỏ đầy đồng,  
Máu trôi đọng vũng, non sông nhớ hình.  
Dây-dây tranh đất tranh thành,  
Ngựa xe rần-rộ bụi binh tối trời.  
Mây sâu gió thăm đòi nơi,  
Sấm đông, tuyết hạ, khác đời Trung-nguyên.  
Ấy rằng quang-nhạc khí hôn,  
Năm hành, ba đấng rồi bôn như tơ.  
Dầu sanh Y Phó đời giờ,  
E theo cày ruộng, đào bờ mà thôi.  
Huống ta là kẻ không ngời,  
Tài chi sửa gỏi làm tôi nước loạn.  
Đã cam chút phận dờ-dang,  
Trí quân, hai chữ mơ-màng năm canh.  
Đã cam lỗi với thương sanh,  
Trạch dân, hai chữ luống đoanh ở lòng.  
Đã cam thẹn với non sông,  
Cừu thời, hai chữ luống trông thưở nào.  
Nói ra thời nước mắc trào,  
Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi.  
Kinh lân dấu thánh coi rồi,  
Thời trời đã vậy, thôi thôi nào cầu !  
Thà cho trước mắt mù-mù,  
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân.  
Thà cho trước mắt vô nhân,  
Chẳng thà ngồi ngó sinh-dân nghiên-nghèo.  
Thà cho trước mắt vắng hui,  
Chẳng thà thấy cảnh trời chiều phân xâm.  
Thà cho trước mắt tối dầm,

Chẳng thà thấy đất lục trầm can qua.  
Dầu đui mà giữ đạo nhà,  
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.  
Dầu đui mà khỏi danh nhơ,  
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình.  
Dầu đui mà đặng trọn mình,  
Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu.  
Sáng chi theo thói tha cầu,  
Dọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai ?  
Sáng chi dẫm sặc, tham tài,  
Lung lòng nhân-dục mang tai-họa trời ?  
Sáng chi sàm-nịnh theo đời,  
Nay vinh mai nhục mang lời thị-phi ?  
Sáng chi nhân-nghĩa bỏ đi,  
Thảo ngay chẳng biết, lỗi-nghì thiên luân ?  
Thấy rồi muôn việc trong trần,  
Xin còn hai chữ « tâm thần » ở ta.  
Nguyện cùng tạo-hóa lại qua,  
Làm xe, làm đạn, phận già thành-thời.  
Kêu trâu kêu ngựa mặc người,  
Cánh trùng, gan chuột, theo trời phú cho.

.....

Như thầy chẳng những bảo thân,  
Lại hay bảo đạo mười phân vừng-vàng.  
Thánh môn lời dạy rõ-ràng :  
Nước an làm trí, nước loạn làm ngu.  
Từ xưa có kẻ gọt đầu,  
Giả cam giả đại, lách xâu nước loạn.  
Vả nay trời bắt gian-nan,  
Thà không mắt thấy, khỏi mang dạ sâu.

... ..

Cho hay hai chữ đạo tâm,

Người đui lạng giữ ít lăm-lỏi chi.  
Thánh-hiền xưa cũng yêu vì,  
Nay bè ngu-xuẩn thấy khi, chê-cười.  
(Trích NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP)

**« LÀM PHƯỚC KHÔNG NHẪM »**

Tiêu rằng : « Hỏi việc bất bình,  
« Xưa nay nhiều kẻ làm lành, làm duyên.  
« Những người cúng phật cúng tiên,  
« Cất chùa, cất miếu bạc-tiền đua nhau.  
« Những người đắp sửa đường cầu,  
« Làm chay, hát bội, của giàu thí ra.  
« Ta nghe làm phước nhiều nhà,  
« Có sao mắc họa, lại ra bần xừ ? »  
Môn rằng : « Đòi lăm danh hư,  
Lo câu « tích đức hữu dư » sao nhăm ?  
Kẻ giàu muốnặng ngàn trăm,  
Cho vay một vốn hơn năm mươi lời.  
Kẻ giàu cậy thế lẩn hơi,  
Tham-lam của quấy, ăn-chơi phí xài.  
Lấy câu « huyết hạn chi tài ».  
Cúng chùa, cúng miếu nào ai chứng lòng.  
Trong mình thảo thuận vốn không,  
Gọi rằng làm phước, phước tròng vào đâu ?  
Thấy câu « thiện ác đáo đầu ».....  
Lành đâu chẳng trả, dữ đâu không đền.  
Người tua xét lại hai bên,  
Ít lành, nhiều dữ, chẳng nên trách trời.  
(Trích NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP)

**« DƯƠNG TỬ XUẤT GIA »**

Nay đà sanh đặng nam-nhi,  
Nam-mô hai chữ từ bi thân già.  
Bao nhiêu thế-tục gần xa,  
Nhân-tình ấm-lạnh trải qua đã rồi.  
Trong vòng danh-lợi thôi thôi !  
Huỳnh-lương nửa gỏi mấy hồi chiêm-bao.  
Sang-giàu lòng chẳng ước-ao,  
Hoa tàn, mây nổi, nước xao, trăng lờ.  
Hai con tuổi hởi còn thơ,  
Hôm mai ấm-lạnh cậy nhờ hiền-thê.  
Trong tay một chuỗi bồ-đề,  
Trăm năm cam lỗi lời thề nước non.  
Trả rồi nợ vợ, nợ con,  
Từ đây mới giữ lòng son tu hành.  
(Trích DƯƠNG TỬ – HÀ MẬU)

**« CHÀI LƯỚI ĐẸP NGHỀ »**

Đã nên chài lưới đẹp nghề,  
Khỏi lo tôm cá chở về chợ tan.  
Đã cho bầy thủy-tộc an,  
Long-vương nào giận quăng bàn thầy Viên.  
Từ đây sóng gió ra thuyền,  
Khỏi nơi lặn-lội, lên miền sạch thơm.  
Đặng theo sâm quế mùi thơm,  
Dầu cho bữa cháo, bữa cơm cũng đành.  
Nguyện làm một kẻ y-sanh,  
Lấy câu âm đức đổi danh lão chài.  
(Trích NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP)

**« MỘT CẢNH »**



Hữu tình thay, ngọn gió đông !  
Cành mai nở nhụy, lá tòng reo vang.  
Cỏ thơm hớn-hớn bên đàng  
Như từng mừng khách đông hoàng đến đây.  
Lú-lo chim nói trên cây,  
Như từng chào hỏi khách nay đến nhà.  
Hai bên cây mọc giao hòa,  
Như từng đón rước giang-hà người sang.  
Dưới khe nước chảy tợ đàn,  
Như từng mừng bạn hương-quan tách vôi.  
Trăm hoa đua nở miệng cười,  
Như từng mừng-rỡ gặp người cố-tri.  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

**« MỘT CẢNH ÂM-PHỦ »**

Đi vừa một lúc xa xa,  
Phút đâu bãi cát Huỳnh-sa gần kề.  
« Huỳnh-sa » hai chữ bản đề,  
Mắt nhìn cảnh-vật nào-nề khá thương.  
Dàu dàu cỏ héo, hoa tàn,  
Xơ rơ trên bãi cát vàng buồn thay !  
Gió âm heo-hắt lá cây,  
Mưa tuôn bạc-bạc, bóng cây mờ-mờ.  
Khắp xem bốn phía bụi bờ,  
Éo-le cảnh vật dật-dờ ở đây.  
(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

**« TỘI CỦA BÀ MỤ ĐỐT »**

Lặng nghe kể tội mụ bà,  
Qui cầm thẻ án trước đà reo rân.

Rao rằng : làm mụ bất nhân,  
Khiến người sanh đẽ tẩm thân mắc nân.  
Vả trời phú tánh đã an,  
Có cho ai ngược, ai ngang bao giờ ?  
Bào thai đã định ngày giờ,  
Mười tháng chưa đủ, phải chờ mới nên.  
Vợ người chuyển bụng đau rên,  
Mụ bà chẳng hỏi nhớ quên tháng ngày.  
Lên giường vội-vã ra tay,  
Rằng : ta sửa bụng cho quày đầu ra.  
Vài giờ chưa thấy số ra,  
Thọc tay lỗ đẽ sờ mà thăm coi.  
Coi rồi chẳng thấy lỗ mòi,  
Khiến xin hốt thuốc giục đòi cho mau.  
Dối rằng gần ló mào, cau,  
Bảo người rán rạn làm nhau đẽ đùa.  
Hai tay bóp bụng đẩy xua,  
Thấy lâu rồi lại thăm vô cửa mình.  
Chúc nguyện bà chúa thai sinh,  
Đức thầy đức mụ thần-linh giúp cùng.  
Làm tuồng chộn nhộn sợ lung,  
Chủ nhà van-vái tứ tung linh tàng.  
Khiến con trong bụng chẳng an,  
Ngặt mình nên phải tìm đàng đặng ra.  
Lầy-quầy chưa kịp hạ ra,  
Mụ bà tay chận kéo ra vội-vàng.  
Những tuồng đi ngược đi ngang,  
Cũng vì tay mụ lòng toan sanh cầm.  
Dân ngu chẳng biết lỗi-làm,  
Người khôn cũng mắc âm-âm nhiều nơi.  
Vì ai khuấy rối lẽ trời,  
Khiến bày yếu-tử ra vời chẳng lâu ?

(Trích DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU)

« PHÉP BẢO-DUỠNG »

Kỳ Hoàng <sup>51</sup> xưa đã mở đàn.  
Sách y nay có lời bàn « thiên chân ».  
Thiên chân tiết giải rõ phân,  
Coi vào thấy gốc, giữ thân nuôi lòng.  
Muốn bề ăn-ở đặng xong,  
Rượu trà có mực, dịch phòng chớ dâm.

.....

Người xưa ăn-ở thật-thà,  
Ít ai đắm rượu, tham hoa quên mình.  
Vốn không làm quấy nhọc hình,  
Nào lo mắc bệnh thất-tình, lục-dâm.  
Thiên niên <sup>52</sup> hai chữ trọn cầm,  
Vừa chừng trăm tuổi mới trâm về quê.  
Người nay ăn-ở khác bề,  
Rượu dầm trong bụng, sắc kề bên thân.  
No say rồi lửa dục hừng,  
Đốt trong khí huyết, tinh-thần còn chi !  
Chịu đau lấy chứng nan y,  
Bốn năm mười tuổi chết đi uổng đời.  
Coi thiên « Bảo-duỡng » mấy lời,  
Biết người thọ yếu, số trời nào riêng.

.....

Ta nghe thánh trước bảo răn,  
Đau hay cầu thuốc, chi bằng ngừa đau. <sup>53</sup>  
(Trích NGƯ TIÊU VẤN-ĐÁP)

### III. THỂ TỨ-LỤC

## « THƠ CHO NGUYỄN-ĐÌNH TỰ »

Dẫn : Khi ở Tân-thuận (hạt Gia-định), cụ Đồ Chiểu nghe được tin người em trai là Nguyễn-đình Tự (7-4-1839 – 25-8-1891), ở lối Cầu Bang-ky (Gia-định), sắp cưới một người thiếp, cụ bèn gửi bức thơ này :

1. *Thương tình bào-đệ,  
Gởi bức tâm thơ.*
2. *Nghe em lâm toan việc tóc tơ,  
Nên anh mới nhả lời vàng ngọc.*
3. *Hễ làm người có học,  
Cho biết lễ trong nhà.*
4. *Chẳng trau mình sao đặng chữ tề gia,  
Còn nhỏ tuổi gập chi đàn cầu tự ?*
5. *Ví dầu muốn nơi nào thiếp-nữ,  
Thì (hãy) giao quyền tại chánh thê.*
6. *Thuận chị em, trên dưới gia tề  
Nghịch chồng vợ, cửa-nhà hư-hại.*
7. *Trong phép xử gia-môn đặng phải,  
Ngoài tiếng đồn phong-hóa mới xinh.*
8. *Lễ cũng cho một gáo múc đòi chình,  
Khuyên chớ để đôi rìu cuôi một cội.*
9. *Vả đương lúc sự đời bối-rối,  
Nào xiết lo nghiệp cả bang-khuâng.*
10. *Phận thiếp-thê mà có như Tề Nhân,  
Niềm tử-tức thà không như Bá Đạo.*
- Em ơi !*
11. *May mà có mối cơm chiều cháo,  
Hơn là người ăn tuyết năm sương.*
12. *Ở nước loạn há sợ chữ thiên ương,  
Theo đạo học phải dẫn lòng nhân-dục.*
13. *Ham sung-sướng chẳng qua nuôi khẩu phúc,  
E nghiên-nghèo (còn) nhọc đến thân danh.*

14. Bực quan-quyền, chiếu bông gối dựa mới là vinh,  
Hàng dân-thứ, quần nhiều áo sô sao chẳng nhục ?
15. Trau-giồi lắm cho đẹp con mắt tục,  
Ghen-ghét nhiều lại chát cái tai phi.
16. Vậ thà cam hai chữ bố-y,  
Chi nhọc đến một đều mao-ốc.
17. Bì sao kẻ thế gia vọng tộc,  
Coi lấy người tiện-sĩ bản nhu.
18. Thời thế này thà chịu làm ngu,  
Học-hành vậy cũng kêu là trí.
19. Em sao chẳng nghĩ,  
Anh rất đổi lo !
20. Bề ở-ăn như cá núp trong nò,  
Thân đùm-đậu như én nằm trên gác.
21. Cám nổi phụ-huynh thêm bát-ngát.  
Phận làm tử-đệ há nguôi ngoai ?
22. Sung-sướng chi, mà chồng một vợ hai,  
Giàu-sang mấy, mà quần đôi áo cặp ?
23. Thân rảnh sao chẳng cấp,  
Tánh xấu cũng nên chừa.
24. Trời, khôn lường trưa sớm nắng mưa,  
Người, đâu biết hôm mai họa phước.  
Chi bằng :
25. Giữ câu kiệm-ước,  
Lánh bọm phong-lưu.
26. Việc nghĩ đà (?) oán-hận chẳng nên cưu,  
Thói ve-vản ăn-chơi đừng bắt-chước.
27. Hàng đi đứng tua dè nước bước,  
Lời nói-năng (phải) giữ miệng-môi.
28. Phận áo-cơm đã đủ thời thôi,  
Ởn đất-nước ngày an cũng tốt.
29. Bề ăn-ở chi bằng đái chột (?)

- Dạ thảo ngay chí dốc keo sơn.*
30. *Có nghĩa tình anh Tấn em Tân,  
Đừng nghe chuyện cha Hồ mẹ Hán.*
31. *Đọc sách y-phương, cho biển án,  
Làm thầy nho-sĩ, phải theo tai.*
32. *Dược trị đau chớ khá học sơ-sài,  
Phép dạy trẻ chớ nên oai bẫm-trợn.*
33. *Nghe nhiều kẻ tiếng đời nơ-bợn,  
Muốn cho em mùi đạo thơm-tho.*
34. *Khá nhớ lời gia-giáo dặn-dò,  
Khuyên chớ để xử thân lầm-lỗi.*
35. *Nay gởi vài lời huấn hối,  
Xưa còn trăm chữ minh-châm.*
36. *Nhớ để lời hôm sớm vịnh ngâm,  
Hãy chữ dạ khỏi đều quá thất.*

(Bức thư này do ông Nguyễn văn Nghĩa, giáo-học ở Thủ-đức sao lục).

#### IV. VĂN-TẾ

##### « VONG-HỒN DÂN MỘ NGHĨA »

Tự-đức thập tứ niên, thập nhất ngoại, thập ngũ nhật chi dạ ; Thống-quân (Bùi quang Mỗ) suất tướng nghĩa-binh tựu Cần-giuộc ; Công phá dương huyện, thiêu đặc dương di đạo đường, đạo quán, thích trúng dương quan tri huyện, tịnh Chà-và Ma-ni đặng ; Nghĩa-binh trận vong, cai thập ngũ danh, Kỳ Tú-tài Nguyễn-đình Chiêu phụ tế văn : <sup>54</sup>

..... Khá thương thay !

10. *Nào phải thiệt quân cơ, quân vệ, theo vòng ở lính diễu binh ;  
Chẳng qua là dân ấp, dân lân, mễn nghĩa làm quân chiêu mộ.*

11. *Mười tám ban võ-nghệ nào đợi tập-rèn, chín-mươi trận binh-thơ  
không chờ bày-bố.*

12. Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi ;  
Trong tay cầm một ngọn tầm-vong, chi nài sắm dao tu, nón gõ.

.....

16. Những lăm lòng nghĩa lâu dung ; Đâu biết xác phàm vội bỏ !

17. Một chắc sa-trường rằng chữ hạnh, nào hay yên ngựa chở thầy ;  
Trăm năm âm-phủ ấy chữ qui, nào đợi gươm hùm treo mộ.

18. Đoái sông Cần-giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng ; Nhìn chợ  
Trường-bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.

..... Thôi thôi !

24. Chùa Tân-thạnh năm canh ửng đóng lạnh, tấm lòng song gửi lại  
bóng trắng rằm ; Đồn Lang-sa một phút đặng trả hồn, chút phận bạc trôi  
theo giòng nước đổ.

25. Đau đớn bấy ! mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo-lét trong  
lều ; Nào-nùng thay ! vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật-dờ trước ngõ.  
Ôi !

26. Một trận khói tan ; Ngàn năm tiết rờ.

.....

28. Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn, sáu tỉnh chúng đều  
khen ; Thác đã ửng đình-miếu để thờ, tiếng ngay trải muôn đời, ai cũng mộ.

29. Còn đánh giặc, mất cũng đánh giặc, linh-hồn theo giúp cơ binh,  
muôn kiếp nguyện được trả thù kia ; Sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ  
dạy đã rành rành, một chữ ấm đủ đền công đó.

30. Nước mắt anh-hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân ;  
Cây hương nghĩa-sĩ thắp thêm thơm. Cám bởi một câu vương thổ.

(Rút Quốc-âm thi-tập của Paulus Cửa)

**« TẾ NGHĨA-SĨ TRẬN VONG TRONG SÁU TỈNH »**

(Trọn bài gồm có ba-mười-bảy câu, nay trích mấy câu)

.....

11. Man-mác trăm chiều tâm-sự, sống những lo trả nợ cho đời ; Phui-pha một mảnh hình-hài, thác rồi bỏ làm phân cho đất.

12. Nghĩ nổi anh-hùng nạn nước, bãi khô lâu nào mấy kẻ khóc than ; Tưởng câu danh-lợi tuồng đời, trường qui-hủy mặc dầu ai náo-nức. Ôi !

13. Lòng nghĩa-dân phải với ngô-quân, Tiếng nghịch-đảng lỗi cùng địch vức.

14. Gần : Côn-lôn, xa : đại hải, máu thây trôi nổi ai nhìn ; Hàng cai-đội, bực quản-cơ, xương-thịt rã-rời ai cất ?

15. Sống thời chịu nắng sương trời một góc, khó đem sừng ngựa hện qui kỳ ; Thác rồi theo mưa ngút biển muôn trùng, khôn mượn thơ nhàn đem tin-tức.

16. Thấp-thoáng hồn hoa phách quế, lòng cố hương gửi lại bóng trăng thu ; Bơ-vơ nước quỷ non ma, hơi âm-sát về theo luồng gió bắc. Như vậy thời :

17. Số dẫu theo sáu nẻo luân hồi, khí sao để trăm năm ỨC-UẤT.

18. Trời Gia-định ngày chiếu ráng bảnh, âm-hồn theo con bóng ác dật-dờ ; Đất Biên-hòa đêm vắng trăng lờ, oan qui nhóm ngọn đèn trời heo-hắt.

19. An-hà quận đương khi bạch-trú, gió cây vút thổi, cát xoáy bay con trốt dậy bên thành ; Long-tường giang mỗi lúc huỳnh-hôn, khói nước xông mù, lửa đóm nháng binh ma chèo dưới vức. Ôi !

20. Nhìn mấy chặn cờ lau trống sấm, mĩa-mai trần nghĩa bởi binh-tình ; Thảm đòi ngăn ngựa gió xe mây, mừng-tượng vong linh về chiếu-lật.

21. Người lạc phách theo miền giang-hải, cung ngao lẫn thẩn, đành một câu thân-thế phù trầm ; Kẻ du-hồn ở cõi sơn-lâm, lũy kiến đồn ong, còn bốn chữ âm dung phảng-phất. Trời đất ôi !

22. Sống muốn cho an, thách sao rằng bức.



23. Dầu sớm thấy ngọn cờ diều-phạt, phận thần-dân đâu chẳng toan còn, Chưa kịp nghe tiếng trống an-nhương, nghĩa quân-phụ nào dè thoát mất.

24. Hoặc là sợ như đất triều Tần mộ Sở, cuộc can-qua sống ở cũng ghê mình ; Hoặc là e cho trời nam Tống bắc Kim, đường binh-cách thác đi cho khuất mặt.

25. Tiếc non nước ấy, nhân-dân dường ấy, gây sự này nào thấy phép tầy oan ; Biết cha mẹ đâu, tộc-loại ở đâu, chạnh tình đó mới ra ơn diều truất.

26. Tuy uổng mạng, hãy chờ khi sách mạng, sẵn vòng quả báo vấn-vương ; Song oan hồn chưa có kẻ chiêu hồn, khiến tấm linh-đài bức-tức.

.....

34. Cảnh nam-thổ phơi màu hoa thảo, động tình oan nửa úa nửa tươi ; Cõi tây-thiên treo bức vân-hà, kết hơi oán chặn thưa chặn nhạt.

35. Ngày gió thổi, lao-xao tinh dã-mã, thoát nhóm, thoát tan, thoát lui, thoát tới, như tuồng bóng dạng tinh-binh ; Đêm trăng lờ, giéo-giắt tiếng đờ quyên, dường hồn, dường mến, dường khóc, dường than, đòi đoạn tỏ tình oan khuất.

36. Xưa nghe có bến sông Vị-thủy, lấy lễ nhơn-đầu tế đảng hồn oan ; Nay biết đâu bãi cát Trường-sa, mượn của âm-phủ độ bày qui ước.

37. Đốt lọn nhang trần trời đất chứng, chúc, gọi là làm lễ vãng vong ; Đọc bài văn tế qui-thần soi, xin hộ đó theo đường âm chất.

(Rút trong Thi-phú Văn-từ của Võ Sâm)

### « VĂN-TẾ PHÓ QUẢN-CƠ TRƯỞNG ĐỊNH »

(Trọn bài ba-mươi hai câu, nay lược bỏ mấy câu)

Nhớ tướng-quân xưa :

.....

3. Gặp thuở bình cư, làm người chí đại.
4. Từ thuở ở hàng viên-tử, pháp-binh trăm trận đã lâu ; Đến khi ra quân đồn-điền, võ-nghệ mấy ban cũng trái.
5. Lúc giặc đánh tới theo quan Tổng-đốc, trường thi, mô súng, trọn mấy năm ra sức tranh tiên ; Lúc cuộc tan về ở huyện Tân-hòa, đắp lũy, hàn sông, giữ một góc bày lòng địch-khái.
6. Chợt thấy cánh buồm lai sứ <sup>55</sup>, việc giảng-hòa những tưởng rằng xong ; Đã đành tấm giấy tỵ phong, phận Thiên-tử há đâu dám cãi.
7. Bờ lòng chúng chẳng nghe Thiên-tử chiếu, đón ngăn mấy dặm mã tiền ; Theo bụng dân phải chịu tướng-quân phù, gánh-vác một vai khổn ngoại.
8. Gồm ba tỉnh dựng cờ phấn nghĩa <sup>56</sup>, sĩ-phu lắm kẻ vui theo ; Tóm muôn dân gầy số mộ quân, luật-lệnh nào ai dám nại. <sup>57</sup>
9. Văn thì nhờ Tham-biện, Thương-biện, giúp các cơ bàn-bạc nhung công ; Võ thì dùng Tổng-binh, Đốc-binh, coi mấy đạo sửa-sang khí-giới. Thương ôi !
10. Tiền vàng ơn chúa, trót đã rõ-ràng ; Ấn bạc mưu binh, nào từng trẽ-nài.
11. Chí lắm dốc cờ xuê lộ bố, chói sắc giữa trào ; Ai muốn đem gươm báu cang tương, chôn hơi ngoài ải. Há chẳng thấy ?
12. Sức giặc Lang-sa ; Nhiều phương qui-quái.
13. Giảng dưới nước tàu đồng tàu sắt, súng nổ quá bấp rang ; Kéo lên bờ Ma-ni, Ma-tà, đạn bắn như mưa vãi.
14. Dầu những đại-đồn thuở trước, cũng khó toan đề trứng ngàn cân ; Huống chi cô lũy ngày nay, đâu dám chắc treo màn một dải. Nhưng vậy mà.
15. Vì nước tấm thân đã nẩy : còn mất cũng cam ; Giúp đời cái nghĩa đáng làm : nên hư nào nại.

16. Rạch-lá, Gò-công mấy trận, người thấy đã kinh ; Cửa Khâu, Trại Cá các nơi, ai nghe chẳng hãi.

17. Nào nhọc sức hộ tào biên số, lương tiền nhà ruộng, cho một câu háo nghĩa lạc quyên ; Nào nhọc quan võ-khố bình-cân, thuốc đạn ghe buôn, quyền bốn chữ giang thương đạo tải.

..... Ôi ?

21. Sự thế bởi bên Hồ bên Hớn, bao giờ về một mối xa thơ ? Phong cương còn nửa Tống nửa Liêu, đâu nỡ hại một tai tướng soái !

22. Nào phải kẻ táng sư đầu giặc, mà để nhục miếu đường ; Nào phải người kiêu chiếu đánh phiên, mà gây thù biên tái ?

23. Hoặc là chuộng một lời hòa nghị, vận Nam Thiên phải bắt Nhạc Phi về ; Hoặc là lo trăm họ hoành la, thời U-địa chẳng cho Dương Nghiệp lại.

24. Vì ai khiến dựa chia khăn xé, nhìn giang sơn ba tỉnh luống thêm buồn ; Biết thuở nào cờ phát trống rung, hỡi nhật nguyệt hai vầng sau chẳng đoái !

25. Còn chi nữa ; cỗi cô thế riêng than người khóc tượng, nhắm mắt rồi may rủi một trường không ; Thôi đã đành : bóng tà dương găm-ghé kẻ day đồng, quày gót lại hơn thua trăm trận bãi. Ôi !

28. Làm ra có ấy, tạo-hóa ghét nhau chi ? Nhắc đến đoạn nào, anh-hùng rơi lụy mãi !

27. Cuộc trung-nghĩa hai năm làm đại-tướng, nhọc-nhắn vì nước, nào khờn tiếng thị, tiếng phi ; Cối An-hà một chức chịu Lãn-binh, lây-lắt theo thời, chưa chắc đâu thành, đâu bại.

28. Khóc là khóc : nước nhà cơn bán loạn, hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nô ; Than là than : bờ cỗi lúc qua phân, ngày tháng trông vua, ngơ-ngẩn một phường trẻ dại.

29. Tướng-quân còn đó, các nơi đạo-tặc thầy kiêng-dè ; Tướng-quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa-binh thêm báỉ-xái.

30. Nào đã đặng mấy hồi thích-ly, màng hùm che mặt răng xuê ; Thà chẳng may một giấc chốn trường-sa, da ngựa bọc thây mới phải. Ôi !

31. Trời Bến-nghé mây mưa sùi-sụt, thương đứng anh-hùng gặp lúc gian-truân ; Đất Gò-công cây cỏ ủ-ê, cảm niềm thần-tử hết lòng trung-ái.

32. Xưa còn làm tướng, dốc rạng giồi hai chữ bình Tây ; Nay thác về thành, xin đừng hộ một câu phục thái.

(Rút Thi-phú văn-từ của Võ Sâm)

### « THẢO THỬ HỊCH »

.....Tượng mảng

1. Lẽ trời sanh vật, vật ấy nhiều loài.
2. Lấy câu thuận tánh làm lành ; Thấy chữ nghịch thường mà ngán.
3. Nhỏ là loài ong-kiến, còn biết nghĩa quân-thần ; Lớn là loài hổ-lang, cũng niệm tình phụ-tử.
4. Kìa như nha báo tai, thước báo hỷ, đời cũng nhờ lành dữ đem tin ; Nọ như khuyến thủ dạ, kê tư thân, người còn cậy sớm khuya an giấc.
5. Lò tạo-hóa nhúm nhen khắp vật vật nào hay khuấy-rối sự nhà ; Thợ hóa-công đúc nặn nhiều loài, loài nào dám xoi hao mạch nước ? Nay có con chuột.
6. Long mọc xồm-xàm, tục kêu xù, lắt.
7. Tánh hay ăn vặt, lòng chẳng kiêng dè.
8. Chỗ ở-ăn hang-lổ nhiều bề, đường qua lại đào ra hai ngách.
9. Nghe hơi động vôi-vàng chạy mất, nhát quá mẹ cheo ; Chờ đêm khuya sẽ lén-lúc nhau, liến hơn cha khi.
10. Gọi danh-hiệu : chuột xạ, chuột lắt, chuột xù, chuột cống, anh em giòng-họ nhiều tên ; Tra quán-chỉ : ở nhà, ở ruộng, ở rạch, ở ngòi, bậu-bạn non-sông lắm lối.

11. Lớn nhỏ răng đều bốn cái, ăn của người thăm tối biết bao nhiêu ;  
Vấn dài râu mọc hai chia, vắng mặt chủ lung-lãng đà lăm lúc.

12. Vả sáu-mươi giáp hoa đứng trước, lẽ thì thiện tánh linh tâm ;  
Thì mười-hai chi-tuế ở đầu, cũng đáng cư-nhân do nghĩa.

13. Cớ sao lại đem lòng qui-quái ? Cớ sao còn làm thói gian-tham ?

14. Túi Đông Pha từng bữa tha gừng, ruộng Đông Quách ghe phen cắn  
lúa.

15. Nếp gạo của trời nuôi mạng, ăn phá rồi còn kéo xuống hang ;  
Nệm mền của chúng che thân, cắn nát hết lại tha vào tổ.

16. Hoặc nằm giữa cắn đuôi tha trứng vịt, gây nên thẳng tớ chịu đòn  
oan ; Hoặc leo dây ngóng cổ gặm dò heo, để án con đòi mang tiếng khổ.

17. Vây cũng gọi mình hay ngữ kị, vây cũng khoe ngòi trước tam tài.

18. Chẳng xét mình về nuốt dưới cầu, lại quen thói lăn mò bên vách.

19. Sách Lỗ-sử biên câu « thực giác », vì miệng ai cho nên vua lỗi đạo  
thờ trời ; Thơ Quốc-phong để chữ « thực miêu », vì miệng ai cho nên dân xa  
làng bỏ đất ?

22. Ghe phen trách quần hư áo lưng, vì miệng ai cho nên chồng vợ  
giận nhau ; Nhiều chỗ than vách ngã thềm xiêu, vì miệng ai cho nên cha con  
đức bản ?

21. Nền xã-tắc là nơi báo-bổ, can chi mi đào lỗ đào hang ? Chốn miếu-  
đường là chỗ thanh-tân có chi người cắn màn cắn sáo ? Kẻ trinh-nữ ghét  
thẳng cường-bạo. cũng còn mang tiếng « thử dâm ». Án Long-đồ tra đĩa  
gian-tà, hãy còn mắc cái câu « thử thủ ».

23. Gối ngỏ chú Nghiêu Phu đà đến bể, khen cho qui-quái chẳng chừa  
; Gậy phi-long Linh Kiệt đã từng-bình, sao hãy yêu-tinh không gồm ?

24. Nham độn mười hai ngôi tướng, cho hay thần hậu thiệt tướng gian ;  
Diễm-cầm bốn bảy vì sao, phải biết hư nhựt là sao dữ.

25. Sâu-hiếm bấy tấm lòng nghiệt thử, cục cứt ra cũng nhọn hai đầu ;  
Báu xót chi manh áo thử cầu, tấm da lột không đầy ba tấc.

26. Tuy là tướng hữu bì hữu chất ; Thật là loài vô lễ vô nghi.

27. Luận tội kia đã đáng phân thi, thứ tay nọ cũng vì kiêng vật.

28. Giận là giận trộm đồ bàn Phật, trốn án mà xưng vương ; Căm là  
căm cắn sách kẻ nhỏ, đành lòng mà phá đạo.

29. Ngao-ngán bấy cái thân chuột thú, biết ngày nào ô-thước phanh-  
phui ; Nực cười thay cái bụng chuột tham, uống bao thuở Huỳnh-hà ráo  
cạn.

30. Ví có ngàn dòng nước khảm, khôn bề rửa sạch tội đa dâm ; Dầu  
cho muôn nén vàng đoài, cũng khó mua riêng hình bất xá.

31. Tội đường ấy đã nên ác quá ; Ta tới đây há dễ nhiều dung !

32. Ẩn tiên-phong nấy giả rắn-rồng ; Phi hậu-tập sai chim bà-cắc.

33. Sấm-sửa binh sương giáp sắt ; Trau-giời ngựa gió xe trắng.

34. Giống trống sấm xuất binh ; Phất cờ lau lập trận.

35. Đuốc Đèn Đờn sấm sẵn, để phòng khi un đốt ngách u-vi ; Đèn Lý  
Bạch đái tùy, đợi chờ thuở xét soi hang uất-khúc.

36. Hàng hàng bố liệt thương đao ; Nhập sào huyết phá hồ lỗ chuột !  
Phải nghe ta dặn, sấm-sửa đủ đồ

37. Cuốc xuống đào hang ; Phẳng mai chận ngách.

38. Trả, trách, nôi, niêu rửa sạch, thượng kỳ : phù địch-khái chi tâm ;  
Tiêu, hành, sả, ớt, muối dâm, thứ dĩ : tạ chúng nhân chi khẩu.

39. Chớ để con nào sơ lậu, phải ra tay lấp lỗ tam-bành ; Đừng cho  
chúng nó sẩy ra, phải hết sức trừ đồ lục-tặc.

40. Bốn phương đều ngợi chữ thặng-bình ; Thiên hạ cũng vui câu án  
đỗ.

(Chép theo Quốc-âm thi-tập của Paulus Của, Saigon, 1907)

## V. BẠT

*Nghĩ từ ngộ biến đến giờ  
Xuân qua Thu lại khó mờ đau-thương.  
Khóc người tử tán hà phương,  
Lòng tôi là huyết ủ hương hồn Người.*

*Trên mười năm, trải qua chuỗi ngày âm-thầm đau-tủi cạnh mấy mụn con thơ, nguồn an-ủi duy-nhất của đời tôi. Dù vậy khi nghe có ai nhắc-nhở đến tên Phan Văn Hùm, lòng tôi sao khỏi bồi-hồi cảm-động. Sao khỏi hình-dung lại những ngày sống êm êm bên cạnh nhau, cùng nhau chia sót nỗi gian-lao cùng-khổ, và cũng cùng nhau phập-phồng lo sợ trong cảnh giông-tổ phũ-phàng.*

*Có ai nghe người ta ca-tụng sự-nghiệp tên tuổi người thân-yêu mình mà không hãnh-diện say-sưa.*

*Một hôm, giám-đốc nhà Tân Việt đến tôi ngỏ ý định tái bản quyển « Nỗi lòng Đồ Chiểu » – quyển sách mà từ lâu tôi thiết-tha chuẩn-bị nhưng còn thiếu phương-tiện thực-hành. Lòng tôi rộn lên một niềm vui mới. Quyển « Nỗi lòng Đồ Chiểu » là một kỷ-niệm đặc biệt ra đời một lượt với thằng trai út của chúng tôi.*

*Anh Hùm tôi viết « Nỗi lòng Đồ Chiểu » vì nghĩa chung, trọng tiết-tháo trung-kiên của bậc tiền-bối, nhưng tình riêng sao cho khỏi vì biết tôi mà biết đến cội-nguồn.*

*Độc-giả thời xưa, có người hơi đa sự bảo rằng : « Nỗi lòng Đồ Chiểu » tức là nỗi lòng Phan Văn Hùm.*

*Sự thật có phải như thế chẳng ? Tôi xin nhường quyền cho tri-kỷ bốn phương của anh Hùm tôi phán-đoán.*

*Riêng tôi, dù không dám tự nhận tri-kỷ của Phan Văn Hùm, song cũng thông-cảm được phần nào ý và lòng tác-giả.*

*Các bạn tôi lại hỏi, tại sao tôi không nói gì với quyển « Ngồi tù khám lớn », quyển sách đầu tiên được tái bản sau khi tác-giả qua đời, mà chỉ thấy*

*mấy lời của Phan Tùng Mai, con tôi ?*

*Đó cũng chỉ là một chuyện lòng, thưa các bạn ! « Ngồi tù khám lớn » ra đời thuở tôi còn cài tóc, tình khế-nghị mới bắt đầu chớm-nở trong lòng đôi bạn vong niên : tôi chưa được dự phần trong sự-nghiệp văn-chương của tác-giả.*

*Trái lại « Nỗi lòng Đồ Chiểu » chẳng những vì tôi mà có, hơn nữa anh Hùm tôi vẫn cho phép tôi sửa-chữa những chỗ bất đồng hoặc câu văn nào tác-giả sơ-sốt viết mà không đọc lại.*

*Bất cứ kỷ-niệm gì của người chồng vẫn sống đối với tôi đều thiêng-liêng cao-quí. Nhất là những tác-phẩm của người, trong đó quyển « Nỗi lòng Đồ Chiểu » nhắc-nhở tôi thâm-thiết hơn cả.*

*Nếu anh Hùm tôi còn, không biết anh có bằng lòng cho tái-bản hay chẳng ? Hay cũng như cố tổ tôi, cụ Đồ Chiểu, vẫn không hài lòng những tác-phẩm xa xưa của người. Và nếu có sự gì phật ý, bên kia thế-giới, hẳn anh Hùm tôi cũng tha thứ cho vợ con.*

*Về giá-trị văn-chương, lịch-sử tôi xin thưa một lần nữa : « Phẩm-bình đã có các bậc học-giả cao-minh uyên-bác ».*

*Sau hết, tôi thành-thật cảm ơn nhà-ý của ông Tân Việt khi chia cho tôi một phần trách-nhiệm trong việc tái-bản « Nỗi lòng Đồ Chiểu ».*

**MAI HUỲNH HOA**



**NỖI LÒNG ĐỒ CHIẾU** của Phan Văn Hùm do nhà TÂN VIỆT xuất-bản và giữ bản quyền – kỳ thứ hai in xong ngày 15-12-1957 tại nhà in riêng của nhà xuất-bản.

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

# Notes

[←1]

Xem « *Souvenirs Historiques sur Saigon* » của Trương Vĩnh Ký, Saigon, Imprimerie Coloniale, 1885.

[←2]

Georges Cordier, trong quyển *Littérature Annamite, Extraits des Prosateurs et Poètes*, chép rằng Nguyễn-đình Chiếu là người làng Tân-khánh, huyện Bình-dương, nhưng căn-cứ vào đâu mà chép như thế, thì không thấy ông sách-dẫn.

[←3]

DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU nhà *Tân Việt* sẽ xuất-bản.

[←4]

Xin xem quyển *Nguyễn-dình Chiêu – Tân Việt* đã xuất-bản.

[\[←5\]](#)

Xem quyển *Onze mois de sous-préfecture en basse Cochinchine*, của LUCIEN DE GRAMMONT (Napoléon – Vendéc, 1868).

[ ← 6 ]

*On nous pardonnera notre partialité pour ce petit livre, qui, nous l'avouons, nous a toujours très vivement intéressé. Nous y avons si bien reconnu les principaux caractères d'une nation au milieu de laquelle nous avons longtemps vécu, que nous l'avons toujours considéré comme l'une de ces rares productions, de l'esprit humain qui ont le grand avantage de représenter fidèlement les sentiments de tout un peuple (GAUBARET, trong JOURNAL ASIATIQUE, Paris 1864).*



[←7]

*Eugène Bajot*, tựa cho quyển *Histoire du Grand Lettré LUOC VIAU TÉ-IEN*, Paris, Challamel-Ainé xuất-bản, 1887.

[← 8]

Làng Nguyễn-dình Chiếu ở bây giờ là làng An-bình-đông, thuộc huyện Bảo-an, phủ Hoảng-trị.

Làng ấy nay đổi tên là An-đức. Chợ Ba-tri ở trong làng này.

[← 9](#)

*Xem Monographie de la province de Běn-tre của Société des Etudes Indochinoises xuất bản.*

[← 10]

Xin xem *Nguyễn-dình Chiêu* Tân Việt đã xuất-bản.

[← 11]

NGŨ TIÊU VẤN-ĐÁP – *Tân Việt* đã xuất-bản.

[[← 12](#)]

Xin Xem *Sương Nguyệt Anh – Tân Việt* đã xuất-bản.

[ ← 13 ]

Mấy bài này thích nghĩa một câu sách Luận ngữ : « Tề cảnh Công vấn chánh ư Không-tử.  
Không-tử đối viết : quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử ».

[ ← 14 ]

Không-tử san-định Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch và Kinh Xuân-Thu.



[ ← 15 ]

Không-tử đi sang nhiều nước để truyền đạo, nhưng không có nước nào nghe theo.

[←16]

Truyền rằng đời vua Văn-vương thái-bình có phụng gáy.

[ ← 17 ]

Truyền rằng Khổng-tử sinh ra thì có Kỳ-lân ra đời. Khi Khổng-tử đương chép Kinh Xuân-thu, nghe người ta bắn què con Kỳ-lân thì viết bút mà than rằng : « Đạo ta cùn rồi » bèn dừng Kinh Xuân-thu nơi đó.

[ ← 18 ]

Truyện DƯƠNG TỬ – HÀ MẬU thuật chuyện thuộc đời nhà Hán.

[ ← 19 ]

Sách *Trung-dung* : « Đạo bất viễn nhân », nghĩa là : đạo chẳng xa người.

[← 20]

Năm phẩm rường nhu là Ngũ Kinh : Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân-thu.

[[← 21](#)]

Thi : Cỏ thi. Đồi xưa hái cọng cỏ thi để bói...

Qui : rùa. Bói dùng mai rùa.

[ ← 22 ]

Phục-hi bày ra bát quái (tám quẻ).



[← 23]

1862 – chia ba tỉnh phía đông xứ Nam-kỳ cho nước Pháp.

[ ← 24 ]

Thần làm gió.

[ ← 25 ]

Lộc : con nai, chằm lộc : chằm sông Đồng-nai.

[←26]

Luộc, là biến âm của chữ lục : màu lục (*xanh*).

[← 27]

Phép thuốc bắc có vị cho làm quân (vua) có vị cho làm thần (tôi).

[←28]

Y-lý của Tàu cứ nơi Kinh Dịch, trị phương cũng theo Kinh Dịch, cho nên nói « trận đồ tám quẻ ».

[ ← 29 ]

Bài này làm ra tự thuật sự mang tật mù.

[← 30]

Đời Ngu Thuấn chế ra nhạc thiều. Câu này nghĩa là tiếng nhạc thiều đà dứt, con chim phụng hết trông, thì không còn phải đời vua hiền-đức.



[← 31]

Sách Lỗ là chỉ Kinh Xuân-thu của Khổng-tử, kinh này là sử của đời nhà Châu. Khổng-tử chép từ Lỗ Ấn-công nguyên niên (722 trước tây-lịch) tới khi nghe có người bắt được con lân buồn-rầu mà ngừng lại, ngay chỗ năm 481 trước kỷ-nguyên. Xem lời chú ở trước.

[← 32]

Hi-Di là hiệu của Trần Đoàn, tự Đờ Nam, tự hiệu là Phù Dao Tử, người nhà Tống. Gặp thời Ngũ Đại, ẩn cư ở Hoa-sơn, ngủ có cả trăm ngày không thềm dậy. Khi nghe Tống Thái-tổ nên việc (960 trước kỷ-nguyên) thì rằng : thiên hạ từ đây định vậy.

Đã bình xong ba tỉnh phía đông xứ Nam-kỳ rồi, thì lấy cái lẽ rằng trong xứ có phiến loạn nổi lên mãi, nhà nước Pháp buộc mình phải chiếm luôn ba tỉnh phía tây. Vậy ngày mười chín tháng năm, năm đing-mão (20-6-1867), Amiral de Lagrandière dẫn chiến thuyền đến trước Vĩnh-long thành, cho đại-diện lên buộc Kinh-lược-sứ Phan Thanh Giản phải nhường ba tỉnh phía Tây cho nhà nước Pháp. Tổng-đốc Trương văn Huyền và các quan khác đều chủ-trương kháng cự, mà Phan Thanh Giản thời chủ hòa, vì biết thế không cự lại nổi, làm đổ máu dân vô ích. Ngài bèn viết thư cho Lagrandière gởi-gắm dân-tình, rồi tuyệt cố. Mười bảy ngày không chết, ngài bèn uống á-phiện mà chết ngày mồng năm tháng bảy năm ấy, nhằm 4-8-1867 (xem Lê Thành Tường, un *Patriote Annamite*, Hà-nội, Nam-kỳ xuất-bản).

[← 34]

Ngao-châu là bãi Ngao, chỗ Phan Thanh Giản ở. Mây bạc là lấy nghĩa ở câu sách Trang tử :  
« Thừa bỉ bạch-vân, chi vu đế hương », nghĩa là : cõi đám mây trắng kia đến tận chỗ Thiên-đế  
ngự, tức là nói người chết.

[← 35]

Phan Thanh Giản làm quan trải Ba Triều Minh-mạng, Thiệu-trị, Tự-đức.

[ ← 36 ]

Khi lâm-chung Phan Thanh Giản có trời lại người nhà, bảo chỉ nên đề chín chữ trên minh-sanh mà thôi, là : « *Hải nhai lão thơ-sanh tánh Phan chi cửu* » ; lòng son là dịch ở chữ đan-tâm. Có người chép là « lòng con » thì sai.

[← 37]

Gió thu, là dịch chữ thu phong. Thu thuộc kim, tây cũng thuộc kim. Như thế gió thu cũng nghĩa là gió tây.

[← 38](#)

Phú Bật, Trương Tuần, là hai người tôi trung đời xưa.



[← 39]

Câu này nghĩa là : về sự Lạc tỉnh mất còn, vẫn có trời ở trong.

[ ← 40 ]

Chữ thần trên, nghĩa là thần-hồn, chữ thần dưới nghĩa là kẻ làm tôi vua.

[ ← 41 ]

Ngày mười-bảy tháng mười-một năm 1867 (theo ông Lê ngọc Trụ).

[← 42]

Lý Lăng : Tướng đời Hán Võ-đế, năm 99 trước Tây-nguyên đánh Hung-nô, kiệt lực phải qui hàng.

[ ← 43 ]

Dẫn : dẫn thúc.

[ ← 44 ]

Của được bằng cách không phải lẽ, như trộm cướp, lường gạt v.v...

[ ← 45 ]

Thiền là chùa.

[← 46](#)

Bài này có mất chữ không đọc được trong bốn nôm.



[ ← 47 ]

*Dinh nghĩa là đây.*

[ ← 48 ]

*Thu vi* : xưa trường thi hương mở vào lúc trọng thu, cho nên gọi là thu thi hay thu-vi, nghĩa là khoa thi mùa thu.

[ ← 49 ]

Niên là Lý tri Niên, một người học tiên trong truyện.

[← 50]

Tám thú : sĩ, nông, y, bốc, công, thương, ngư, tiều.

[← 51]

Hoàng Đế và Kỳ Bá, tổ nghề thuốc bắc.

[← 52]

Thiên niên : năm trời (hay là tuổi trời).

[← 53]

Phép Bảo-dưỡng này phỏng-dịch ở bộ Nội-kinh, nơi sách Tố Vấn.

[ ← 54 ]

Đoạn dẫn này, chép y theo sách của *Quốc-âm thi-tập* của Paulus Của.

CHÚ : Ngày mười ba tháng mười một năm tân-dậu (14-12-1861) đồng thời ba nơi Cần-giuộc, Tân-an và Gò-công bị Contre amiral Bonard đánh ụp.

Trong bài văn-tế thuật rằng hai hôm sau, qua đêm rằm, nghĩa-binh Việt-nam lén đến Cần-giуộc đánh-phá « trả hờn ».



[← 55]

Ngày 5-6-1862 sứ Phan Thanh Giản ký tờ hòa nhượng ba tỉnh phía đông của Nam-kỳ.

Phó quản-cơ Trương Định, bị Huỳnh công Tấn vây ở Kiến-phước đêm mười-tám rạng mặt mười-chín tháng bảy năm giáp-tý (19-20/8/1864) ; Sáng ngày Huỳnh công Tấn bắn Trương Định gãy xương sống mà chết.

Ông Huỳnh công Tấn người Gò-công, lúc nhà nước lại thủ Nam-kỳ ngày về hàng thuận bắt đặng ông lãnh-binh tên là Trương Định, có công lớn, nhà nước liền thưởng thọ chức lãnh-binh. Lúc ngài thác, ông Tôn Thọ Tường có đi điệu ngài một câu liễn như vậy :

*Phú-quí thị thẳng lai, oanh-liệt hùng tâm khinh nhất trích.*

*Thanh danh ưng bất hủ, ức dương công-luận phó thiên thu.*

Nghĩa là : Giàu-sang ấy thoáng qua, lừng-lẫy hùng tâm khinh một ném ; Tiếng-tấm đành chẳng mục, chê-khen công-luận phó ngàn năm. (NGUYỄN LIÊN PHONG, *Điệu cổ hạ kim thi-tập*)

Cụ Đồ Chiểu đối với Trương Định có cái cảm-tình riêng : Trương Định có lần vờ cụ xin giúp bộ tham-mưu, nhưng cụ lấy lẽ tàn-tật mà từ-khước. Bài văn trên, vì cái tình riêng ấy mà bi-thiết.

Tường nên trích ra một đoạn văn của Tôn Thọ Tường có động đến Trương Định, thì thấy rõ nỗi u-uất của cụ Đồ : « **LỜI TRUYỀN THỊ** » của Tôn Thọ Tường làm ra khi ngồi Đốc-phủ tại Vũng-liêm (1873. Xem *Annuaire de la Cochinchine 1873*) :

*Ra lời truyền thị tỏ với nhân dân :*

*Làm người phải biết giả chân.*

*Chớ khá nghe lời huyễn hoặc,*

*Xưa sáu tỉnh súng đồng giáo sắt.*

*Binh-lương tiền-túc chứa chan,*

*Ô lê tàu hải rờ ràng,*

*Thành tình pháo đài nghiêm ngặt,*

*Chơn-lạp, Xiêm-la chư-quốc.*

*Bộ công, thủy-chiến, thầy kiêng nhường,*

*Chẳng trọn ngày đất vỡ, ngói tan.*

*Xứ Gia-định là đầu sáu tỉnh,*

Sau những Đại-đôn Lánh-định.  
Cũng là Mỹ-quí Tháp-mười,  
Có lương có súng sẵn đông người,  
Làm hết sức cũng không nên đáng.  
Chẳng những là thiên mạng,  
Cùng hiệp với nhơn mưu.  
Nên Triều-đình trước đã hòa hưu,  
Sau Kinh-lược cũng đành giao cát.  
Thiếu chi kẻ anh-hùng lỗi-lạc,  
Cũng phục-tùng mà hội quốc tì dân.  
Còn như người minh-triết bảo thân,  
Thì thói độn mà an sanh lạc nghiệp.  
Có chẳng phường đạo kiếp.  
Bày ra việc mộ quyên.  
Ấy là chước kiếm tiền.  
Ấy là mưu trốn nợ.  
Kiếm chỗ vắng mà bắt lính đòi lương tử-mở,  
Khoe tài trong rùng bụi.  
Khen cho hay múa gậy vườn hoang ;  
Lừa hờ cơ mà phất cờ gióng trống nhọn-nhàng.  
Muốn địch với quan binh,  
Ví chẳng khắc bắt cầu qua biển cả.

(Rút trong *Miscellanées* P. Trương Vĩnh Ký, Saigon, 1889)

[← 57]

Dễ người.

# Table of Contents

PHẦN THỨ NHẤT : NỘI LÒNG ĐỒ CHIẾU

PHẦN THỨ HAI : TRÍCH-LỤC VĂN-PHẨM CỦA NGUYỄN-ĐÌNH  
CHIẾU

I. THỂ THẤT-NGÔN

II. THỂ LỤC-BÁT

III. THỂ TỨ-LỤC

IV. VĂN-TẾ

V. BẠT